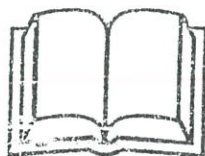


CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự do - Hạnh Phúc.

.....@.....

ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG

CÔNG TY CỔ PHẦN KHAI THÁC
VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI KON LUM



THÁNG 4 NĂM 2007 đ



Mở đầu

Hôm nay, ngày 12 tháng 04 năm 2007, tại Hội trường Công ty Khai thác Công trình Thủy lợi Kon Tum, chúng tôi, những Cổ đông Sáng lập tham dự phiên họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất, nhất trí lập và thông qua Bản Điều lệ này trong khuôn khổ của Luật Doanh nghiệp số: 60/2005/QH11 được Quốc hội thông qua ngày 29/11/2005 và các văn bản dưới luật hướng dẫn thi hành để thành lập Công ty cổ phần Khai thác và Xây dựng Công trình Thủy lợi Kon Tum (sau đây gọi tắt là Công ty). Và uỷ quyền cho Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty khoá đầu tiên ra quyết định ban hành Bản Điều lệ này.

Bản Điều lệ này, các quy định của Công ty, các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị đã được thông qua một cách hợp lệ, phù hợp với luật pháp liên quan sẽ là những quy tắc và quy định ràng buộc để tiến hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

Bản Điều lệ này có 12 chương, 66 điều và 1 phụ lục, gồm các điều khoản sau đây:

Chương I NHỮNG ĐIỀU KHOẢN CHUNG

Điều 1. Giải thích từ ngữ

1. Trong Điều lệ này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- a. *Hội đồng* có nghĩa là Hội đồng quản trị của Công ty.
- b. *Luật Doanh nghiệp* có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số: 60/2005/QH11 được Quốc hội thông qua ngày 29/11/2005.
- c. *Pháp luật* có nghĩa là tất cả các Luật, Nghị định, Quyết định, Thông tư, Quy định và các văn bản có hiệu lực pháp lý khác do bất kỳ một cơ quan Nhà nước nào ban hành (các văn bản pháp lý này có thể sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế vào từng thời điểm) và có liên quan đến Công ty.
- d. *Thành viên Ban Điều hành* có nghĩa là Giám đốc, các Phó giám đốc, Kế toán trưởng, các Trưởng bộ phận và các vị trí quản lý khác mà Hội đồng quản trị xác định là những vị trí quản lý trong Công ty.
- e. *Những người liên quan* có nghĩa là bất kỳ tổ chức, cá nhân có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với Công ty được quy định tại khoản 17, Điều 4 của Luật Doanh nghiệp.



f. *Kiểm toán viên* có nghĩa là các kiểm toán viên của Công ty mà Công ty thuê theo điểm e, khoản 4, Điều 52 của Điều lệ này.

g. *Cơ quan đăng ký kinh doanh* có nghĩa là Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kon Tum hoặc, tùy vào thời điểm thích hợp, là một cơ quan Nhà nước khác có thể có trách nhiệm và thẩm quyền cấp Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh và giám sát việc thành lập, gia hạn và/hoặc hoạt động của Công ty theo quy định của pháp luật.

h. *Tranh chấp* có nghĩa là những mâu thuẫn, bất hoà về quyền và nghĩa vụ hợp pháp liên quan đến Điều lệ này hoặc việc vi phạm, chấm dứt hoặc hiệu lực của Điều lệ này;

i. *Trụ sở chính* có nghĩa là trụ sở văn phòng đã được đăng ký của Công ty, trụ sở này có thể được thay đổi vào từng thời điểm theo quy định của pháp luật và theo Điều lệ này;

k. *Đa số phiếu* có nghĩa là số phiếu biểu quyết đại diện cho ít nhất 51% trong (i) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả Cổ đông dự họp hoặc người đại diện được ủy quyền của Cổ đông hiện diện tại phiên họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết tại phiên họp; hoặc (ii) tổng số phiếu biểu quyết trong trường hợp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng văn bản;

l. *Bảng văn bản* có nghĩa là hình thức viết tay, in ấn, đánh máy, hoặc một phương thức nào khác thể hiện.

m. *Địa bàn kinh doanh* có nghĩa là lãnh thổ Việt Nam và nước ngoài.

n. *Cổ đông* có nghĩa là mọi thể nhân hay pháp nhân được ghi tên trong Sổ Đăng ký cổ đông của Công ty với tư cách là người sở hữu cổ phiếu.

o. *Thông tin mật* có nghĩa là tất cả và bất kỳ mọi thông tin, tài liệu, giấy tờ, hồ sơ, tập tin điện tử, các hồ sơ văn bản, dữ liệu, thư điện tử, và những tài liệu khác dưới bất kỳ hình thức nào không được công bố rộng rãi ra công chúng mà Công ty, Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, thành viên Ban kiểm soát, thành viên Ban Điều hành, nhân viên Công ty, các đại lý, hoặc các nhà thầu, có được, nhận được, hoặc bằng cách nào đó sở hữu trong tiến trình hoạt động kinh doanh bình thường của Công ty, và những thông tin, giấy tờ, hồ sơ, dữ liệu và những tài liệu khác dưới bất kỳ hình thức nào nhận được từ bên thứ ba mà Công ty có nghĩa vụ bảo mật:

p. *Sổ Biên bản* có nghĩa là sổ lưu trữ tất cả các biên bản của các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và cuộc họp Hội đồng quản trị.

2. Trong Bản Điều lệ này, khi nói đến một điều khoản hay một văn bản nào đó thì chúng sẽ bao gồm cả những điều khoản sửa đổi hay văn bản thay thế.

VU

3. Các đề mục, tiêu đề được đưa vào Điều lệ chỉ để tiện theo dõi và không ảnh hưởng tới ý nghĩa của Điều lệ này.

4. Các từ hoặc thuật ngữ đã được giải thích trong Luật Doanh nghiệp (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.

Điều 2. Tên gọi, trụ sở chính, văn phòng đại diện, chi nhánh, hình thức sở hữu, người đại diện theo pháp luật và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty:

a. Tên đầy đủ của Công ty bằng tiếng Việt Nam là: **CÔNG TY CỔ PHẦN KHAI THÁC VÀ XÂY DỰNG THUỶ LỢI KON TUM** và bằng tiếng Anh là: **KonTum Irrigation Exploitation and Construction Joint - Stock Company**.

b. Tên viết tắt của Công ty bằng tiếng Anh là: **KIECO** và bằng tiếng Việt Nam là: **CÔNG TY CP KT & XD THUỶ LỢI KON TUM**.

2. Trụ sở chính của Công ty:

a. Địa chỉ: số 3, đường Hoàng Diệu, thị xã Kon Tum, tỉnh Kon Tum.

b. Điện thoại: (060) 863292 - (060) 862712

c. Fax: (060) 863598

3. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại các địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu của Công ty phù hợp với nghị quyết của Hội đồng quản trị và trong phạm vi pháp luật cho phép.

4. Công ty được thành lập theo phương thức chuyển từ một doanh nghiệp Nhà nước thành công ty cổ phần. Công ty được tổ chức quản lý và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, theo đó Công ty có tư cách pháp nhân kể từ ngày được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh, và các Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.

✓ 5. Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty.

6. Công ty hoạt động không xác định thời hạn, trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo Điều 57 và Điều 58 của Điều lệ này.

Điều 3. Mục tiêu và lĩnh vực kinh doanh của Công ty

VVC

1. Mục tiêu của Công ty là không ngừng phát triển và mở rộng các hoạt động sản xuất - kinh doanh nhằm đem lại lợi nhuận cho các Cổ đông của Công ty; tối đa hóa giá trị doanh nghiệp, tạo việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động, đồng thời thực hiện tốt các nghĩa vụ đối với Nhà nước.

2. Lĩnh vực kinh doanh của Công ty bao gồm:

a. Quản lý, khai thác, tu bổ, bảo vệ công trình thủy lợi; thủy điện, trạm bơm.

b. Thi công, sửa chữa, nâng cấp công trình thủy lợi do Công ty quản lý;

c. Xây dựng công trình thủy lợi; thủy điện; công nghiệp; khai hoang, xây dựng đồng ruộng; xây dựng đường giao thông, công trình dân dụng và công trình cấp thoát nước;

d. Nông nghiệp và các hoạt động dịch vụ có liên quan đến xay xát, sản xuất bột và sản xuất thức ăn gia súc;

e. Mua bán nguyên liệu, nhiên liệu phi nông nghiệp, phế liệu và đồ dùng phế thải; mua bán máy móc thiết bị và phụ tùng thay thế.

f. Tư vấn thiết kế, giám sát công trình xây dựng; Khai thác và mua bán vật liệu xây dựng.

g. Đầu tư xây dựng mới hoặc nâng cấp sửa chữa các công trình do công ty quản lý khi được các cơ quan có thẩm quyền cho phép.

3. Các mục tiêu và lĩnh vực kinh doanh nêu tại khoản 2 Điều này có thể thay đổi tùy theo tình hình thực tế sản xuất - kinh doanh của Công ty. Đối với những mục tiêu và lĩnh vực kinh doanh cần có sự chấp thuận của cơ quan quản lý Nhà nước thì Công ty sẽ thực hiện mục tiêu và lĩnh vực kinh doanh đó sau khi được cơ quan thẩm quyền phê duyệt.

Điều 4. Phạm vi kinh doanh

1. Công ty lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo quy định của Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh và Điều lệ này, phù hợp với quy định của pháp luật và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.

2. Công ty có thể tiến hành các hình thức kinh doanh khác mà Hội đồng quản trị xét thấy có lợi nhất cho Công ty trong phạm vi pháp luật cho phép.

Điều 5. Cơ cấu tổ chức quản lý Công ty

1. Công ty tổ chức và hoạt động theo nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, dân chủ và tuân theo pháp luật;

VW

2. Cơ cấu tổ chức quản lý Công ty gồm: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Giám đốc Công ty.

Điều 6. Tổ chức chính trị và tổ chức chính trị - xã hội trong Công ty

1. Tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội trong Công ty hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp, pháp luật và theo Điều lệ của tổ chức mình phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Công ty có nghĩa vụ tôn trọng, tạo điều kiện thuận lợi để người lao động thành lập và tham gia hoạt động trong các tổ chức quy định tại khoản 1 Điều này.

Chương II QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CÔNG TY

Điều 7. Quyền của Công ty

Công ty có quyền tiến hành những hoạt động mang lại lợi ích cho Công ty hoặc cho việc kinh doanh mà Công ty được phép thực hiện theo quy định của pháp luật, bao gồm những nội dung sau:

1. Chiếm hữu, định đoạt, sử dụng vốn và tài sản của Công ty để kinh doanh, thực hiện các lợi ích hợp pháp từ vốn và tài sản của Công ty;

2. Chủ động lựa chọn ngành, nghề, địa bàn đầu tư, hình thức đầu tư, kể cả liên doanh, góp vốn vào doanh nghiệp khác, chủ động mở rộng qui mô và ngành nghề kinh doanh;

3. Chủ động tìm kiếm thị trường, khách hàng trong và ngoài nước và ký kết hợp đồng;

4. Lựa chọn hình thức và cách thức huy động vốn;

5. Tuyển dụng, thuê và sử dụng lao động theo yêu cầu kinh doanh;

6. Tự chủ sản xuất, kinh doanh, chủ động áp dụng phương thức quản lý khoa học, hiện đại để nâng cao hiệu quả và khả năng cạnh tranh;

7. Khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo; trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật;

8. Thực hiện việc phân phối lợi nhuận và xử lý các khoản lợi nhuận hoặc thua lỗ, các tài sản và nợ, các khoản thu từ việc chuyển nhượng các tài sản mà Công ty có toàn quyền quyết định;

9. Tái đầu tư các khoản lợi nhuận vì lợi ích hoạt động của Công ty;

10. Tiến hành việc giải thể và thanh lý tài sản của Công ty khi chấm dứt hoặc kết thúc thời gian hoạt động của Công ty;

11. Thay đổi phạm vi và nội dung hoạt động của Công ty vào bất kỳ thời điểm nào khi Đại hội đồng cổ đông thấy cần thiết, với điều kiện phải có sự chấp thuận của Nhà nước nếu pháp luật quy định;

12. Từ chối và tố cáo mọi yêu cầu cung cấp các nguồn lực không được pháp luật qui định của bất kỳ cá nhân, cơ quan hay tổ chức nào, trừ những khoản tự nguyện đóng góp vì mục đích nhân đạo và công ích;

13. Được hạch toán và bù đắp chi phí theo giá thực hiện thầu hoặc thu phí sử dụng dịch vụ theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

14. Được đảm bảo thời hạn sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ thích hợp để thu hồi vốn đầu tư và có lãi hợp lý.

15. Các quyền khác do pháp luật qui định.

Điều 8. Nghĩa vụ của Công ty

Công ty có các nghĩa vụ như sau:

1. Hoạt động kinh doanh theo đúng ngành, nghề đã ghi trong Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh; bảo đảm điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật khi kinh doanh ngành, nghề kinh doanh có điều kiện;

2. Tổ chức công tác kế toán, lập và nộp báo cáo tài chính trung thực, chính xác, đúng thời hạn theo quy định của pháp luật về kế toán;

3. Đăng ký mã số thuế, kê khai thuế, nộp thuế và thực hiện các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật;

4. Bảo đảm quyền, lợi ích của người lao động theo quy định của pháp luật về lao động; thực hiện chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm khác cho người lao động theo quy định của pháp luật về bảo hiểm;

5. Bảo đảm và chịu trách nhiệm về chất lượng hàng hoá, dịch vụ theo tiêu chuẩn đã đăng ký hoặc công bố; trừ trường hợp bất khả kháng : Thiên tai, dịch hoạ...

6. Thực hiện chế độ thông kê theo quy định của pháp luật về thống kê; định kỳ báo cáo đầy đủ các thông tin về doanh nghiệp, tình hình tài chính của doanh nghiệp với cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo mẫu quy định; Khi phát hiện các thông tin đã kê khai hoặc báo cáo thiếu chính xác, chưa đầy đủ thì phải kịp thời sửa đổi, bổ sung các thông tin đó;

7. Tuân thủ quy định của pháp luật về quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, bảo vệ tài nguyên, môi trường, bảo vệ di tích lịch sử, văn hoá và danh lam thắng cảnh;

8. Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Chương III VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ PHIẾU, CỔ ĐÔNG

Điều 9. Vốn điều lệ

1. Vốn điều lệ tại thời điểm thành lập Công ty là: 708.370.000 đồng (Bảy trăm không tám triệu, ba trăm bảy mươi ngàn đồng chẵn).

2. Vốn điều lệ được sử dụng vì mục đích kinh doanh của Công ty và vì các mục đích khác được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt. Cụ thể:

+ Mua sắm tài sản cố định và các phương tiện trực tiếp phục vụ kinh doanh;

+ Đầu tư nghiên cứu công nghệ mới, mặt hàng mới...

+ Mua trái phiếu, cổ phiếu các doanh nghiệp khác, góp vốn liên doanh liên kết với các đơn vị kinh tế khác;

+ Mở rộng quy mô sản xuất- kinh doanh theo chức năng nhiệm vụ của công ty cổ phần.

3. Trường hợp cần điều chỉnh tăng, giảm vốn điều lệ của Công ty, Hội đồng quản trị xây dựng phương án điều chỉnh vốn điều lệ, trình Đại hội đồng cổ đông quyết định.

4. Nghiêm cấm sử dụng vốn điều lệ để chia cổ tức hoặc phân tán tài sản của Công ty cho các Cổ đông dưới bất kỳ hình thức nào, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định sửa đổi Điều lệ Công ty.

Điều 10. Cổ phần

1. Tổng số vốn điều lệ của Công ty nêu tại khoản 1, Điều 9 của Điều lệ này được chia thành 70.837 cổ phần. Mệnh giá 1 (một) cổ phần là: 10.000 đồng (mười ngàn đồng).

2. Tất cả các cổ phần do Công ty phát hành đều là cổ phần phổ thông, kể cả các cổ phần do Nhà nước nắm giữ. Và không được chuyển đổi thành cổ phần ưu đãi trong bất cứ trường hợp nào (sau đây gọi tắt là cổ phần).

3. Mỗi cổ phần cho phép Cổ đông nắm giữ 1 (một) lá phiếu biểu quyết tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 11. Cổ phần của Cổ đông Sáng lập

1. Cổ đông Sáng lập của Công ty phải đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

a. Tham gia thông qua Bản Điều lệ đầu tiên của Công ty;

b. Mỗi Cổ đông phải nắm giữ ít nhất 4% vốn điều lệ tại thời điểm thành lập Công ty được nêu tại khoản 1, Điều 9 của Điều lệ này. Riêng Cổ đông là công nhân, viên chức của Công ty Khai thác Công trình Thủy lợi Kon Tum được bàn giao sang Công ty, không quy định số lượng cổ phần bắt buộc sở hữu.

Danh sách và các thông tin chi tiết về Cổ đông Sáng lập được ghi trong Phụ lục đính kèm. Phụ lục này là một phần của Điều lệ Công ty.

2. Trong thời hạn 3 (ba) năm, kể từ ngày Công ty được cấp Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu tiên, Cổ đông Sáng lập có quyền tự do chuyển nhượng cổ phần phổ thông của mình cho Cổ đông Sáng lập khác, nhưng chỉ được chuyển nhượng cổ phần của mình cho người không phải là Cổ đông Sáng lập nếu được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp này, Cổ đông dự định chuyển nhượng cổ phần không có quyền biểu quyết về việc chuyển nhượng các cổ phần đó và người nhận chuyển nhượng đương nhiên trở thành Cổ đông Sáng lập của Công ty.

3. Sau thời hạn 3 (ba) năm, kể từ ngày Công ty được cấp Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu tiên, các hạn chế đối với cổ phần của Cổ đông Sáng lập nêu tại khoản 2 Điều này đều được bãi bỏ.

Điều 12. Thanh toán mua cổ phần

1. Các cổ phần do Công ty phân phối cho Cổ đông phải được thanh toán tiền đầy đủ một lần trong thời hạn không quá 20 (hai mươi) ngày kể từ ngày thông báo phân phối cổ phần trừ khi pháp luật quy định khác.

VU

2. Bất kỳ người nào được phân phối cổ phần nhưng không thanh toán cho số cổ phần này theo quy định tại Điều lệ này sẽ không trở thành Cổ đông và không được ghi nhận là Cổ đông trong Sổ Đăng ký cổ đông của Công ty, cũng như không được cấp cổ phiếu.

3. Việc thanh toán tiền mua cổ phần có thể được thực hiện bằng tiền Đồng Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng hoặc nếu được Hội đồng quản trị phê duyệt thì có thể thực hiện bằng hiện vật.

4. Các Cổ đông chịu trách nhiệm tiến hành các thủ tục cần thiết, bao gồm việc đăng ký, chứng nhận, công chứng để hợp thức hóa việc chuyển nhượng hợp pháp cho Công ty tất cả những tài sản được dùng để thanh toán mua cổ phần.

5. Ngay sau khi tài sản được góp vào Công ty để thanh toán mua cổ phần, tài sản đó sẽ trở thành tài sản của Công ty và không có Cổ đông nào có thể đòi hỏi quyền lợi đối với tài sản này hoặc có quyền đòi, không thừa nhận hoặc tranh chấp với Công ty về quyền sở hữu của Công ty đối với tài sản này.

Điều 13. Sổ Đăng ký cổ đông

1. Công ty sẽ lập và lưu giữ Sổ Đăng ký cổ đông như là một tài liệu pháp lý về quyền sở hữu cổ phần của mỗi Cổ đông. Sổ Đăng ký cổ đông có các nội dung chủ yếu được quy định tại khoản 2, Điều 86 của Luật Doanh nghiệp.

2. Sổ Đăng ký cổ đông được lưu giữ tại Văn phòng Công ty. Giám đốc chịu trách nhiệm về việc bảo quản, cập nhật và về tính chính xác của tất cả các thông tin ghi chép trong Sổ Đăng ký cổ đông.

3. Chậm nhất là 14 (mười bốn) ngày sau khi nhận đủ thanh toán cho các cổ phần do Công ty phát hành, Công ty sẽ ghi chép các chi tiết có liên quan đến Cổ đông vào Sổ Đăng ký cổ đông.

4. Cổ đông phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị biết về bất kỳ sự thay đổi địa chỉ nào của bản thân. Trong trường hợp Công ty không nhận được thông báo trên, tất cả các thông báo hoặc mọi thông tin khác sẽ được gửi cho Cổ đông theo địa chỉ mới nhất được lưu trong Sổ Đăng ký cổ đông.

5. Giám đốc Công ty phải đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh có thẩm quyền đối với các Cổ đông sở hữu bằng hoặc lớn hơn 5% tổng số cổ phần được nêu tại khoản 1, Điều 10 của Điều lệ này trong thời hạn 7 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày các Cổ đông này có được tỷ lệ sở hữu đó.

6. Công ty không có quyền hủy bỏ hoặc thanh lý bất kỳ một tài liệu nào trong các hồ sơ sau đây trong thời hạn 12 (mười hai) năm:



a. Đơn chuyển nhượng cổ phần đã được đăng ký và các chứng từ khác làm cơ sở cho việc điều chỉnh các thông tin trong Sổ Đăng ký cổ đông;

b. Các cổ phiếu đã bị hủy bỏ.

và Giám đốc chịu trách nhiệm về tính chính xác hoặc thiếu sót của bất kỳ một thông tin nào được ghi chép trong Sổ Đăng ký cổ đông nếu Công ty không tuân thủ theo các điều khoản được quy định tại Điều lệ này.

Điều 14. Cổ phiếu

1. Sau khi Cổ đông đã được ghi tên vào Sổ Đăng ký cổ đông của Công ty, Công ty phải phát hành cho Cổ đông này tờ cổ phiếu cho các cổ phần mà người này nắm giữ theo quy định của Điều này.

2. Ngoại trừ quy định tại khoản 5 Điều này, mỗi Cổ đông sẽ được nhận tờ cổ phiếu cho số cổ phần mà Cổ đông này nắm giữ, mà không phải trả bất kỳ một khoản phí nào. Cổ đông có quyền yêu cầu Công ty thay thế nhiều cổ phiếu đại diện cho các cổ phần nắm giữ bằng một tờ cổ phiếu chung.

3. Hình thức của cổ phiếu phát hành do Hội đồng quản trị quyết định. Mọi cổ phiếu do Công ty phát hành đều có dấu và có chữ ký của Giám đốc Công ty; trong đó bao gồm các thông tin chủ yếu được quy định tại khoản 1, Điều 85 của Luật Doanh nghiệp.

4. Công ty phát hành 2 loại cổ phiếu như sau:

a. Loại cổ phiếu ghi tên: gồm cổ phiếu thuộc sở hữu Nhà nước; của Cổ đông Sáng lập, của thành viên Hội đồng quản trị đương chức và trong thời hạn 3 (ba) năm kể từ khi miễn nhiệm.

b. Loại cổ phiếu không ghi tên: gồm cổ phiếu thuộc sở hữu của thành viên Hội đồng quản trị sau khi miễn nhiệm 3 (ba) năm, của Cổ đông Sáng lập sau 3 (ba) năm kể từ khi Công ty được cấp Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh đầu tiên và của các Cổ đông khác.

5. Nếu cổ phiếu bị xoá, hư hỏng, mất, tiêu hủy hoặc không còn sử dụng được nữa, Giám đốc sẽ phát hành cổ phiếu mới theo yêu cầu của Cổ đông có liên quan. Cổ phiếu mới sẽ có hiệu lực bãi bỏ và thay thế cổ phiếu cũ bị xoá, hư hỏng, mất, tiêu hủy hoặc không còn sử dụng được nữa, với điều kiện là Cổ đông sẽ chịu trách nhiệm thanh toán các khoản chi phí do Công ty quy định.

6. Đối với cổ phiếu có giá trị danh nghĩa trên 10.000.000VNĐ (mười triệu đồng Việt Nam), trước khi tiếp nhận đề nghị cấp cổ phiếu mới, Giám đốc Công ty có thể yêu cầu chủ sở hữu cổ phiếu đăng thông báo về việc cổ phiếu bị mất, bị

cháy hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác và sau 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày đăng thông báo sẽ đề nghị Công ty cấp cổ phiếu mới.

7. Người sở hữu tờ cổ phiếu không ghi tên phải chịu trách nhiệm độc lập về việc bảo quản tờ cổ phiếu và Công ty sẽ không chịu trách nhiệm trong mọi trường hợp nếu chứng chỉ này bị mất cắp hoặc bị sử dụng với mục đích lừa đảo.

Điều 15. Chào bán và chuyển nhượng cổ phần

1. Hội đồng quản trị quyết định thời điểm, phương thức và giá chào bán cổ phần trong số cổ phần được quyền chào bán. Giá chào bán cổ phần không được thấp hơn giá thị trường tại thời điểm chào bán hoặc giá trị được ghi trong sổ sách của cổ phần tại thời điểm gần nhất, trừ những trường hợp sau đây:

a. Cổ phần chào bán cho tất cả Cổ đông theo tỷ lệ cổ phần hiện có của họ ở Công ty;

b. Cổ phần chào bán lần đầu tiên cho những người không phải là cổ đông sáng lập sau khi đăng ký kinh doanh;

c. Cổ phần chào bán cho người môi giới hoặc người bảo lãnh hoặc trong các trường hợp khác. Trong trường hợp này, số chiết khấu hoặc tỷ lệ chiết khấu cụ thể phải được sự chấp thuận của số Cổ đông đại diện cho ít nhất 75% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

2. Sau khi được cấp Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu tiên, cổ phần mới dự kiến phát hành sẽ được ưu tiên chào bán cho các Cổ đông hiện có theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ cổ phần của từng Cổ đông. Công ty phải thông báo việc chào bán, trong đó nêu rõ số cổ phần được chào bán và thời hạn hiệu lực hợp lý (không ít hơn hai mươi một ngày), để Cổ đông đặt mua.

Trường hợp số lượng cổ phần dự định phát hành không được Cổ đông và người nhận chuyển quyền ưu tiên mua đăng ký mua hết thì số cổ phần dự kiến phát hành còn lại sẽ do Hội đồng quản trị quản lý. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho Cổ đông của Công ty hoặc người khác theo cách thức hợp lý với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các Cổ đông, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác hoặc cổ phần được bán qua Trung tâm giao dịch chứng khoán.

3. Các cổ phần được tự do chuyển nhượng ngoại trừ loại cổ phiếu ghi tên được nêu tại điểm a, khoản 4, Điều 14 của Điều lệ này, tùy vào từng trường hợp cụ thể, chỉ được chuyển nhượng khi được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo quy định tại khoản 2, Điều 11 của Điều lệ này. Việc chuyển nhượng cổ phần chỉ được xem là hoàn tất sau khi các chi tiết liên quan đến người được chuyển nhượng đã được ghi chép vào Sổ Đăng ký cổ đông theo quy định tại khoản 1, Điều 13 của Điều lệ này.

4. Để đăng ký việc chuyển nhượng cổ phần vào Sổ Đăng ký cổ đông, Cổ đông phải nộp cho Giám đốc Công ty đơn chuyển nhượng cùng với cổ phiếu thể hiện số cổ phần được chuyển nhượng và bất kỳ các bằng chứng nào khác của việc chuyển nhượng mà Giám đốc có thể yêu cầu một cách hợp lý. Đơn chuyển nhượng cổ phần có thể lập theo hình thức thông thường hoặc theo hình thức khác do Hội đồng quản trị phê duyệt. Việc chuyển nhượng có thể được người chuyển nhượng và người được chuyển nhượng hoặc đại diện của họ thực hiện.

5. Công ty phải lưu giữ tất cả các đơn chuyển nhượng có liên quan đến việc chuyển nhượng các cổ phần đã đăng ký.

6. Ngay sau khi nhận được đơn chuyển nhượng và cổ phiếu có liên quan theo hình thức phù hợp được quy định tại Điều này, Giám đốc phải ghi nhận các chi tiết liên quan đến việc chuyển nhượng vào Sổ Đăng ký cổ đông. Tuy nhiên, Giám đốc có quyền từ chối ghi nhận việc chuyển nhượng vào trong Sổ Đăng ký cổ đông nếu như việc chuyển nhượng không được pháp luật cho phép hoặc trái với quy định tại Điều lệ này. Nếu Giám đốc từ chối ghi nhận việc chuyển nhượng cổ phần, việc từ chối này phải được thông báo cho người được chuyển nhượng cổ phần trong thời hạn không quá 2 (hai) tháng.

Điều 16. Thừa kế cổ phần

1. Trong trường hợp một Cổ đông qua đời, chỉ những người thừa kế hoặc những người quản lý tài sản của người đã qua đời theo quy định của pháp luật mới được Công ty thừa nhận là có quyền hoặc hưởng lợi đối với cổ phần, tuy nhiên quy định tại Điều này không giải toả tài sản của Cổ đông đã qua đời khỏi mọi trách nhiệm gắn liền với bất cứ cổ phần mà người đó nắm giữ.

2. Khi trình nộp đủ hồ sơ về quyền sở hữu hoặc quyền thừa kế hợp pháp và được Công ty chấp thuận đăng ký trở thành Cổ đông. Khi đó, Cổ đông thụ hưởng thừa kế mới được quyền hưởng mọi quyền lợi và thực hiện nghĩa vụ của Cổ đông mà họ thừa kế.

3. Các cổ phần của thành viên hội đồng quản trị được tự do thừa kế (trừ cổ phần của nhà nước), nhưng người thừa kế chỉ được hưởng quyền sở hữu cổ phiếu, không được hưởng thừa kế quyền làm thành viên hội đồng quản trị.

Điều 17. Cổ đông

1. Cổ đông của Công ty có thể là tổ chức, cá nhân. Số lượng Cổ đông tối thiểu là 3 (ba) và không hạn chế số lượng tối đa.

2) Quyền và nghĩa vụ của Cổ đông

a. Cổ đông có quyền:

✓✓

(i). Tham dự Đại hội đồng cổ đông và biểu quyết tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông;

(ii). Được nhận cổ tức do Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị quyết định theo quy định của Điều lệ này;

(iii). Được tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho Cổ đông khác và cho người không phải là Cổ đông, trừ hạn chế quy định tại khoản 3, Điều 15 của Điều lệ này;

(iv). Được ưu tiên mua cổ phần mới theo quy định của Điều lệ này;

(v). Khi Công ty giải thể, được nhận một phần tài sản còn lại của Công ty với tỷ lệ tương ứng với số cổ phần góp vốn vào Công ty sau khi Công ty đã thanh toán tất cả các khoản nợ cho tất cả các chủ nợ là những người được ưu tiên hơn theo pháp luật qui định;

(vi). Được xem thông tin và tài liệu có liên quan đến hoạt động của Công ty; ngoại trừ các thông tin mật theo quy định của Hội đồng quản trị;

(vii). Tuân thủ theo các quy định của Điều lệ này, các quy định khác của Công ty, tất các nghị quyết do Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị thông qua theo quy định tại Điều lệ này;

(viii). Xem danh sách Cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông;

* (ix). Cổ đông hoặc Nhóm Cổ đông sở hữu tối thiểu bằng hoặc lớn 10 % tổng số cổ phần trong thời hạn liên tục ít nhất 6 (sáu) tháng trở lên đều có thêm các quyền sau: Đề cử, ứng cử 1 (một) người vào Hội đồng quản trị và 1 (một) người vào Ban Kiểm soát (nếu có); xem xét và trích lục Sổ Biên bản và các nghị quyết của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm theo mẫu của hệ thống kế toán Việt Nam và các báo cáo của Ban Kiểm soát; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường khi hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông; quyền của giám đốc được giao trong điều lệ hoặc nhiệm kỳ hội đồng quản trị đã vượt quá 6 tháng mà hội đồng quản trị mới chưa được bầu thay thế; yêu cầu Ban Kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết; yêu cầu phải bằng văn bản, phải có họ tên, địa chỉ, số chứng minh nhân dân, quốc tịch hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân. Với cổ đông là tổ chức thì phải có quyết định thành lập, địa chỉ, số đăng ký kinh doanh; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông.

Yêu cầu triệu tập đại hội cổ đông hay ban kiểm soát kiểm tra hoạt động của công ty phải nêu nội dung và mục đích ; kèm theo yêu cầu phải có bằng chứng vi phạm của hội đồng quản trị ;nếu không có tài liệu chứng cứ thì hội đồng quản trị có quyền từ chối những yêu cầu nêu trên của cổ đông.

AK

VU

(x). Căn cứ vào số lượng thành viên của hội đồng quản trị và ban kiểm soát, nếu số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông có quyền đề cử, ứng cử thấp hơn số lượng thành viên của hội đồng quản trị, ban kiểm soát theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do hội đồng quản trị đề cử. Nhiệm kỳ đầu tiên thì do người (hoặc nhóm người) sở hữu số cổ phần cao nhất đề cử.

(xi). Các quyền khác được quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

b. Nghĩa vụ của Cổ đông:

(i). Thanh toán đủ giá trị số cổ phần đã cam kết mua và chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có Cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại điểm này thì thành viên Hội đồng quản trị và Giám đốc Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút;

(ii). Tuân thủ Điều lệ và qui chế quản lý nội bộ của Công ty;

(iii). Chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;

(iv). Thực hiện các nghĩa vụ khác quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

c. Cổ đông phổ thông phải chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

(i). Vi phạm pháp luật;

(ii). Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

(iii). Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Công ty.

Điều 18. Mua lại cổ phần

1. Mua lại cổ phần theo quyết định của Công ty:

a. Công ty có quyền mua lại không quá 30% tổng số cổ phần đã bán theo các điều kiện sau đây:

R

VH

(i). Công ty có phương án được Đại hội đồng cổ đông thông qua đối với trường hợp mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã phát hành; hoặc do Hội đồng quản trị quyết định đối với trường hợp mua dưới 10% tổng số cổ phần đã phát hành trong mỗi 12 (mười hai) tháng.

(ii). Hội đồng quản trị quyết định giá mua lại cổ phần với điều kiện giá mua lại không được cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua lại trừ trường hợp qui định tại tiết (iii), điểm a, khoản 1 Điều này.

(iii). Công ty có thể mua lại cổ phần của từng Cổ đông tương ứng với tỷ lệ cổ phần của họ trong Công ty. Trong trường hợp này, quyết định mua lại cổ phần của Công ty phải được thông báo đến tất cả các Cổ đông trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày quyết định đó được thông qua. Thông báo phải ghi rõ tổng số cổ phần và loại cổ phần được mua lại, giá mua lại hoặc nguyên tắc định giá mua lại, thủ tục và thời hạn thanh toán, thủ tục và thời hạn để Cổ đông chào bán cổ phần của họ cho Công ty. Cổ đông phải gửi văn bản chào bán cổ phần của mình đến Công ty trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày thông báo.

b. Công ty không được phép mua lại cổ phần trong các trường hợp sau đây:

(i). Đang kinh doanh thua lỗ;

(ii). Đang làm thủ tục phát hành chứng khoán để huy động thêm vốn;

(iii). Có nợ phải trả quá hạn;

(iv). Tổng số nợ phải thu quá hạn lớn hơn 10% tổng số vốn của các Cổ đông;

(v). Chưa hội đủ yêu cầu về tăng vốn điều lệ theo quy định của pháp luật hiện hành;

(vi). Dùng nguồn vốn vay và vốn chiếm dụng từ các tổ chức tài chính, tín dụng, pháp nhân và cá nhân để mua lại cổ phiếu.

2. Mua lại cổ phần theo yêu cầu của Cổ đông:

a. Các Cổ đông nào biểu quyết phân đối quyết định tổ chức lại Công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của Cổ đông qui định tại Điều lệ này, có quyền yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải lập bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu Công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến Công ty trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định về các vấn đề nói tại điểm này.

VH

M

b. Trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu, Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của Cổ đông qui định tại điểm a, khoản 2 Điều này theo giá thị trường hoặc giá thấp hơn theo thoả thuận. Trường hợp không thoả thuận được về giá, các bên có quyền yêu cầu một tổ chức định giá chuyên nghiệp định giá. Công ty giới thiệu ít nhất 3 (ba) tổ chức định giá chuyên nghiệp để Cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.

Điều 19. Phát hành trái phiếu

1. Công ty có quyền phát hành trái phiếu ra công chúng hoặc bán trái phiếu trực tiếp cho một số các nhà đầu tư theo nghị quyết của Hội đồng quản trị. Tất cả các điều kiện và điều khoản liên quan đến việc phát hành trái phiếu phải được Hội đồng quản trị thông qua bằng nghị quyết, ngoại trừ trường hợp Hội đồng quản trị ủy quyền vấn đề trên cho Giám đốc một cách hợp pháp.

2. Trừ trường hợp pháp luật về chứng khoán có quy định khác, Công ty không được quyền phát hành trái phiếu trong các trường hợp sau đây:

a. Không thanh toán đủ cả gốc và lãi của trái phiếu đã phát hành, không thanh toán hoặc thanh toán không đủ các khoản nợ đến hạn trong 3 (ba) năm liên tiếp trước đó;

b. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế bình quân của 3 (ba) năm liên tiếp trước đó không cao hơn mức lãi suất dự kiến trả cho trái phiếu định phát hành.

Việc phát hành trái phiếu cho các chủ nợ là tổ chức tài chính được lựa chọn không bị hạn chế bởi các quy định tại điểm a và điểm b của khoản này.

3. Người chủ sở hữu trái phiếu không phải là Cổ đông và không có các quyền của Cổ đông. Quyền của chủ sở hữu trái phiếu đối với Công ty được quy định riêng trong các điều khoản và điều kiện của trái phiếu.

Chương IV ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 20. Quyền hạn của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả các Cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông thực thi tất cả các quyền hạn của Công ty nhưng không làm giảm hoặc giới hạn các quyền của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều lệ này.

2. Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nhiệm vụ sau đây:

K

- V.V.
- ✗ a. Quyết định số tiền cổ tức hàng năm mà Công ty chi trả;
- b. Quyết định phê chuẩn hoặc không phê chuẩn báo cáo tài chính năm; các kế hoạch phát triển trung và dài hạn của Công ty;
- c. Quyết định mua lại hơn 10% tổng số cổ phần đã phát hành của từng loại;
- d. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản của Công ty vào thời điểm kết thúc năm tài chính gần nhất; các hợp đồng nhận thầu xây lắp thì không giới hạn tỷ lệ giá trị so với tài sản công ty mà uỷ quyền cho giám đốc công ty quyết định
- e. Quyết định các loại cổ phiếu mới sẽ được phát hành và số lượng cổ phiếu được phát hành đối với mỗi loại;
- f. Quyết định việc Công ty mua cổ phần hoặc các chứng khoán khác, cổ phiếu hoặc trái phiếu của các Công ty khác;
- g. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát;
- h. Xem xét và quyết định xử lý các sai phạm của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Điều hành gây thiệt hại cho Công ty và cho các Cổ đông của Công ty;
- i. Quyết định bổ sung hoặc sửa đổi Điều lệ này, trừ trường hợp điều chỉnh vốn điều lệ do bán thêm cổ phần mới trong phạm vi số lượng cổ phần được quyền chào bán theo qui định tại Điều lệ này;
- k. Quyết định tổ chức lại hoặc giải thể Công ty; quyết định việc Công ty nộp đơn xin phá sản Công ty;
- l. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định tại Điều lệ này và của pháp luật.

Điều 21. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

I. Cuộc họp thường niên:

- a. Cuộc họp thường niên được tổ chức ít nhất mỗi năm một lần tại thời điểm và địa điểm do Hội đồng quản trị quyết định. Địa điểm họp phải ở trên lãnh thổ Việt Nam. Giám đốc chịu trách nhiệm cung cấp chương trình nghị sự của mỗi cuộc họp thường niên cho Chủ tịch Hội đồng quản trị.
- h.v

12/

b. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn 4 (bốn) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Cuộc họp thường niên của Đại hội đồng cổ đông có thể được gia hạn theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được cơ quan đăng ký kinh doanh chấp thuận nhưng không quá 6 (sáu) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

2. Cuộc họp bất thường:

a. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau đây:

- (i). Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
- (ii). Bảng cân đối kế toán hàng năm hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính cho thấy vốn điều lệ đã bị mất từ 50% trở lên;
- (iii). Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của Cổ đông, nghĩa vụ của thành viên Ban Điều hành Công ty hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao;
- (iv). Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị đã vượt quá 6 (sáu) tháng mà Hội đồng quản trị mới chưa được bầu thay thế;
- (v). Khi số lượng thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá 1/3 (một phần ba) so với quy định tại Điều lệ này;
- (vi). Theo yêu cầu của Cổ đông hoặc Nhóm Cổ đông quy định tại tiết (ix), điểm a, khoản 2, Điều 17 của Điều lệ này;
- (vii). Theo yêu cầu của Ban Kiểm soát;
- (viii). Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

Cá nhân hoặc tổ chức yêu cầu triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bất thường phải nêu các vấn đề sẽ được thảo luận và các giải pháp kiến nghị lên cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong yêu cầu của mình.

b. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong thời hạn 30 (ba mươi ngày), kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm như quy định tại tiết (v) hoặc nhận được yêu cầu quy định tại tiết (vi) và tiết (vii), điểm a, khoản 2 Điều này.

Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông như quy định thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với Công ty.

c. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a, khoản 2 của Điều này thì trong thời hạn 30 (ba

PR

1/10

mười ngày) tiếp theo, Ban Kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Điều lệ này.

Trường hợp Ban Kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông như quy định thì Trưởng ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với Công ty.

d. Trường hợp Ban Kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm c, khoản 2 Điều này thì Cổ đông hoặc Nhóm Cổ đông quy định tại tiết (ix), điểm a, khoản 2, Điều 17 của Điều lệ này đã yêu cầu có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Điều lệ này.

Trong trường hợp này, Cổ đông hoặc Nhóm Cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát việc triệu tập và tiến hành họp nếu xét thấy cần thiết.

e. Người triệu tập phải lập danh sách Cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông, cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách Cổ đông, lập chương trình và nội dung cuộc họp, chuẩn bị tài liệu, xác định thời gian và địa điểm họp, gửi thông báo mời họp đến từng Cổ đông có quyền dự họp theo quy định của Điều lệ này.

3. Công ty chịu toàn bộ chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Những chi phí này, không bao gồm chi phí phục vụ riêng cho bản thân cá nhân Cổ đông khi tham dự họp Đại hội đồng cổ đông như: ăn, ở, chi phí đi lại....

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông và gửi thông báo triệu tập bằng văn bản đến từng Cổ đông (hoặc nhóm cổ đông thì kèm theo danh sách từng thành viên trong nhóm) theo địa chỉ đăng ký trong Sổ Đăng ký cổ đông chậm nhất là 7 (bảy) ngày trước ngày khi mạc Đại hội đồng cổ đông. Thông báo phải quy định rõ thời gian và địa điểm tiến hành Đại hội, chương trình dự kiến và kèm theo tất cả các tài liệu cần thiết cho việc thảo luận trong Đại hội. (*Tỷ lệ 1/10 triệu tập*)

5. Việc ngẫu nhiên không gửi được giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông đến bất kỳ người nào có quyền dự họp hoặc việc bất kỳ ai trong số những người này không nhận được giấy mời sẽ không làm vô hiệu các tiến trình của kỳ họp Đại hội đồng cổ đông đó. Tuy nhiên, việc Công ty không thực hiện được việc gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông cho Cổ đông theo địa chỉ ghi trong Sổ Đăng ký cổ đông không được coi là việc ngẫu nhiên trong mọi trường hợp. và trong trường hợp có tranh chấp về vấn đề này, Công ty có trách nhiệm phải chứng minh là giấy mời đã được gửi đi một cách đúng đắn. Ngoài ra, nếu Đại hội đồng cổ đông bị hoãn lại vì không đủ số lượng Cổ đông tham dự theo quy

1/1

VW

định tại khoản 2, Điều 23 của Điều lệ này, ngay lập tức Công ty phải thông báo đến Cổ đông biết việc hoãn họp Đại hội đồng cổ đông, đồng thời thông báo về thời gian và địa điểm được dời lại của phiên họp.

6. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:

a. Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tịch đoàn để điều hành phiên họp. Số lượng chủ tịch đoàn là 3 (ba) người, trong đó Chủ tịch Hội đồng quản trị là thành viên đương nhiên và là người chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập. Phiên họp đại hội đồng cổ đông đầu tiên do giám đốc công ty khai thác công trình thủy lợi triệu tập và điều hành.

b. Trong trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt, thì một thành viên Hội đồng quản trị được Hội đồng chỉ định, sẽ chủ tọa phiên họp Đại hội đồng cổ đông. Nếu cả Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản trị được chỉ định thay thế (nếu có) đều không có mặt trong vòng 90 (chín mươi) phút sau khi Đại hội đồng cổ đông dự kiến bắt đầu, các thành viên khác có mặt sẽ bầu một thành viên trong số họ làm chủ tọa và nếu chỉ có duy nhất một thành viên Hội đồng quản trị có mặt thì thành viên này sẽ làm chủ tọa. Nếu không thành viên nào trong Hội đồng quản trị có mặt trong vòng 90 (chín mươi) phút sau khi Đại hội đồng cổ đông dự kiến bắt đầu, các Cổ đông hiện diện tại cuộc họp có quyền bỏ phiếu chọn một người trong số họ làm chủ tọa.

c. Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

7. Thư ký và Ban kiểm phiếu của cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:

a. Chủ tọa cử một người làm thư ký lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.

b. Đại hội đồng cổ đông bầu Ban kiểm phiếu không quá 3 (ba) người theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.

Điều 22. Danh sách Cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Danh sách Cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên Sổ Đăng ký cổ đông của Công ty và phải lập xong chậm nhất 20 (hai mươi) ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông. (Chức vụ)

2. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục và sao danh sách Cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông; yêu cầu sửa đổi những thông tin sai lệch hoặc bổ sung những thông tin cần thiết về mình trong danh sách Cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông.

PS

✓✓

★ Điều 23. Quyền dự họp và số đại biểu dự họp tối thiểu cần có tại Đại hội đồng cổ đông

1. Các Cổ đông sở hữu bằng hoặc lớn hơn 1% vốn điều lệ của Công ty là đại biểu đương nhiên. Các Cổ đông không đủ điều kiện này, được quyền chủ động tập hợp thành nhóm thoả mãn các điều kiện quy định để dự họp Đại hội đồng cổ đông, đồng thời phải thông báo bằng văn bản về việc hợp nhóm cho Hội đồng quản trị biết chậm nhất 10 (mười) ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông.

2. Số đại biểu dự họp tối thiểu cần có tại Đại hội đồng cổ đông:

a. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông chỉ được tiến hành khi có sự hiện diện của số Cổ đông hoặc người đại diện của Cổ đông nắm giữ ít nhất 65% số cổ phần có quyền biểu quyết.

b. Sau 90 (chín mươi) phút tính từ thời điểm ấn định khai mạc cuộc họp, nếu không đủ điều kiện tiến hành cuộc họp theo qui định tại điểm a Khoản này thì được triệu tập lần thứ II trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày dự kiến cuộc họp lần thứ I. Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ II được tiến hành khi có số Cổ đông dự họp đại diện ít nhất 51% số cổ phần có quyền biểu quyết.

c. Sau 90 (chín mươi) phút tính từ thời điểm ấn định khai mạc cuộc họp lần thứ II, nếu vẫn không đủ điều kiện tiến hành cuộc họp theo qui định tại điểm b Khoản này thì cuộc họp lần thứ III sẽ được triệu tập trong thời hạn 20 (hai mươi) ngày kể từ ngày cuộc họp lần thứ II dự định khai mạc. Khi đó, cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành không phụ thuộc vào số Cổ đông dự họp và tỷ lệ số cổ phần có quyền biểu quyết của các Cổ đông dự họp. Cuộc họp lần thứ III có quyền quyết định tất cả các vấn đề mà lẽ ra Đại hội đồng cổ đông lần thứ I phải thực hiện.

Điều 24. Thay đổi nội dung chương trình họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông hoặc Nhóm Cổ đông qui định tại tiết (ix), điểm a, khoản 2, Điều 17 của Điều lệ này có quyền kiến nghị thay đổi hoặc bổ sung nội dung chương trình họp của Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị thay đổi hoặc bổ sung vào nội dung chương trình họp phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là 5 (năm) ngày trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên của Cổ đông hoặc Nhóm Cổ đông kiến nghị, số lượng cổ phần của mỗi Cổ đông này đang nắm giữ, chữ ký, và những vấn đề kiến nghị thay đổi hoặc bổ sung vào nội dung chương trình họp Đại hội đồng cổ đông.

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông chỉ có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 1 Điều này nếu có một trong các trường hợp sau đây:

1. a. Kiến nghị được gửi đến Công ty không đúng thời hạn hoặc không đáp ứng đủ các thông tin quy định tại khoản 1 Điều này hoặc nội dung kiến nghị không hợp lý;

b. Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c. Những trường hợp khác qui định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 1 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 25. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền của mình bằng nghị quyết. Các quyết định được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp chung (công khai hoặc bỏ phiếu kín) hoặc lấy ý kiến bằng văn bản (không cần họp Đại hội đồng cổ đông).

2. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:

a. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;

b. Thông qua định hướng phát triển Công ty;

c. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán;

d. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát;

e. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

f. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;

g. Tổ chức lại, giải thể Công ty.

3. Cổ đông có mặt hoặc người đại diện được ủy quyền của họ sẽ bỏ phiếu để phê chuẩn các quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Khi bỏ phiếu, mỗi Cổ đông sẽ có một phiếu cho mỗi cổ phần đang nắm giữ. Kết quả bỏ phiếu sẽ được xem là nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp số phiếu biểu quyết ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của chủ tọa cuộc họp.

4. Trong trường hợp nhiều Cổ đông đồng sở hữu một cổ phần, bất cứ người nào trong số họ hoặc người đại diện được họ ủy quyền cũng có thể bỏ phiếu trong mọi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông như là chủ sở hữu duy nhất của cổ phần, nhưng nếu có nhiều hơn một Cổ đông hoặc người đại diện ủy quyền đồng sở hữu cổ phần cùng có mặt tại một cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Cổ đông đồng sở hữu có tên đầu tiên trong Sổ Đăng ký cổ đông sẽ có quyền bỏ phiếu thay mặt cho những Cổ đông khác.

5. Căn cứ hồ sơ chương trình, tài liệu họp gửi theo giấy mời họp, Cổ đông có thể gửi phiếu biểu quyết có niêm phong đến Công ty trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp này, phiếu biểu quyết của Cổ đông đó là hợp lệ và được tính trong số phiếu biểu quyết chính thức tại phiên họp Đại hội đồng cổ đông.

6. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua tại cuộc họp khi:

a. Được số Cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả Cổ đông dự họp chấp thuận.

b. Đối với các quyết định về loại cổ phần và số lượng cổ phần được quyền chào bán của mỗi loại; sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty; tổ chức lại Công ty; giải thể Công ty; đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản ghi trên sổ kế toán của Công ty thì phải được số Cổ đông đại diện cho ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các Cổ đông dự họp chấp thuận.

75%
c. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát được thực hiện bằng hình thức bỏ phiếu kín và theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi Cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban Kiểm soát và Cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Những người trúng cử được lấy theo nguyên tắc từ cao xuống thấp. Trường hợp số thành viên hội đồng quản trị, ban kiểm soát được đề cử ứng cử bằng số thành viên yêu cầu thì các thành viên được gọi là trúng cử khi có số phiếu hợp lệ đạt từ 25% tổng giá trị cổ phần ghi trong điều lệ. Trong bất cứ trường hợp nào thì người có số phiếu cao nhất theo cổ phần được sở hữu là chủ tịch hội đồng quản trị của công ty cổ phần khai thác và xây dựng thủy lợi Kon Tum.

VU

d. Các quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông với số Cổ đông trực tiếp và uỷ quyền tham dự đại diện 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục triệu tập, nội dung chương trình họp và thể thức tiến hành họp không được thực hiện đúng như quy định.

Điều 26. Nghị quyết bằng văn bản thông qua không cần họp Đại hội đồng cổ đông

1. Mọi quyết định có thể được Đại hội đồng cổ đông thông qua mà không cần tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông nếu có được số Cổ đông đại diện ít nhất 75% tổng số phiếu biểu quyết chấp thuận phê chuẩn quyết định này bằng văn bản. Văn bản phê chuẩn này sẽ có hiệu lực tương đương với phiếu bầu tại Đại hội đồng cổ đông. Văn bản phê chuẩn này cũng có thể bao gồm một hoặc nhiều tài liệu với hình thức giống nhau và mỗi bản đều phải có chữ ký của một hoặc nhiều Cổ đông. Văn bản chấp thuận có thể là bản fax nhưng phải kèm theo sau đó là bản gốc và được Công ty lưu giữ. Các nghị quyết bằng văn bản phải luôn sẵn sàng cung cấp cho các Cổ đông kiểm tra.

2. Trình tự, thủ tục phê chuẩn các nghị quyết dưới dạng văn bản không cần tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải tuân thủ theo quy định tại Điều 105 của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

Điều 27. Thông tin về các nghị quyết

1. Các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi chép biên bản theo yêu cầu của pháp luật. Biên bản phải được lưu trữ trong Sổ Biên bản giữ tại Văn phòng Công ty và phải sẵn sàng cung cấp cho các Cổ đông khi có nhu cầu kiểm tra.

2. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến các Cổ đông có quyền dự họp đại hội đồng Cổ đông và Ban Điều hành trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày ra nghị quyết.

Điều 28. Người đại diện uỷ quyền

1. Mỗi Cổ đông có quyền chỉ định một người đại diện cho quyền lợi của mình. Việc chỉ định hoặc hủy bỏ người đại diện uỷ quyền phải được lập thành văn bản gửi đến Hội đồng quản trị, và sẽ có hiệu lực khi Hội đồng quản trị nhận được văn bản này. Văn bản chỉ định người đại diện uỷ quyền phải tuân thủ quy định tại khoản 2, Điều 101 của Luật Doanh nghiệp. Người đại diện uỷ quyền được Cổ đông chỉ định không được uỷ quyền lại cho bất kỳ người nào khác, và cũng không được thực hiện các quyền khác ngoài phạm vi được uỷ quyền theo văn bản chỉ định đại diện uỷ quyền. Người đại diện uỷ quyền không nhất thiết phải là Cổ đông.

2. Cổ đông là tổ chức có quyền cử một hoặc một số người đại diện theo uỷ quyền thực hiện các quyền Cổ đông của mình theo quy định của pháp luật; trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo uỷ quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện. Việc cử, chấm dứt hoặc thay đổi người đại diện theo uỷ quyền phải được thông báo bằng văn bản đến Công ty trong thời hạn sớm nhất.

Công ty phải gửi thông báo về người đại diện theo uỷ quyền quy định tại Khoản này đến cơ quan đăng ký kinh doanh trong thời hạn 5 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo.

Điều 29. Yêu cầu huỷ bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, Cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, Ban Kiểm soát có quyền yêu cầu Toà án hoặc Trọng tài xem xét, huỷ bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;
2. Trình tự, thủ tục ra quyết định và nội dung quyết định vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.

Chương V HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 30. Quyền và trách nhiệm của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông mà không được uỷ quyền.

2. Hội đồng quản trị làm việc theo chế độ tập thể, không một thành viên nào có quyền quyết định cá nhân, kể cả Chủ tịch Hội đồng, về công việc thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị. Mọi vấn đề liên quan đến quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng được xem xét và quyết định tại các phiên họp của Hội đồng quản trị bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

3. Hội đồng quản trị có các quyền và nhiệm vụ sau đây:

a. Phê chuẩn chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm;

b. Quyết định việc phát hành cổ phiếu và trái phiếu đã được phép phát hành nhưng Công ty chưa phát hành, và quyết định mức giá phát hành các cổ phiếu hoặc trái phiếu này;

c. Quyết định chào bán cổ phần trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán từng loại; quyết định huy động vốn thêm theo hình thức khác.

d. Xem xét và đề xuất các kế hoạch phát triển dài hạn của Công ty để đề trình lên Đại hội đồng cổ đông quyết định;

* e. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư theo quy định của điều lệ này; quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ; thông qua hợp đồng mua, bán, vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong (sổ kế toán) của Công ty; riêng các hợp đồng nhận thầu xây lắp thì uỷ quyền cho giám đốc công ty quyết định mà không quy định một tỷ lệ nào.

f. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, khen thưởng, kỷ luật Giám đốc Công ty; quyết định mức lương, tiền thưởng và những lợi ích khác của giám đốc; cử người đại diện theo uỷ quyền thực hiện quyền sở hữu cổ phần hoặc phần vốn góp ở công ty khác, quyết định mức thù lao và lợi ích khác của những người đó. Trường hợp chủ tịch hội đồng quản trị kiêm giám đốc thì việc cất chức giám đốc phải thông qua nghị quyết của đại hội đồng cổ đông.

g. Giám sát, chỉ đạo Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;

h. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến đề Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;

i. Quyết định phương án tổ chức, quy chế quản lý nội bộ Công ty; quyết định thành lập các công ty con, chi nhánh và văn phòng đại diện Công ty trong và ngoài nước cũng như đầu tư vào các doanh nghiệp khác phù hợp với kế hoạch phát triển của Công ty đã được Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn;

k. Xem xét và đề trình các báo cáo tài chính hằng năm lên Đại hội đồng cổ đông để xem xét phê chuẩn;

l. Kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông về mức cổ tức được trả; quyết định thời gian và phương thức chi trả cổ tức; quyết định về phương pháp xử lý các khoản lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh của Công ty;

m. Định giá tài sản góp vốn không phải là tiền Đồng Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng;

- Vth
- n. Quyết định mua lại không quá 10% số cổ phần đã bán của từng loại;
 - o. Kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông các vấn đề về sắp xếp, tổ chức lại hoặc giải thể Công ty;
 - p. Giám sát sự tuân thủ theo quy định của pháp luật;
 - q. Các quyền và nhiệm vụ khác qui định tại Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp.

★ **Điều 31. Thành viên Hội đồng quản trị**

1. Thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông bầu và bãi nhiệm, miễn nhiệm.

2. Trừ khi Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác, Hội đồng quản trị của Công ty có 3 (ba) thành viên gồm: Chủ tịch và 2 uỷ viên; trong đó, có thể có thành viên chuyên trách và thành viên không chuyên trách. Thành viên Hội đồng quản trị được quyền kiêm nhiệm các chức vụ quản lý tùy theo nhu cầu của sản xuất kinh doanh mà giám đốc cho là cần thiết. Không nhất thiết thành viên hội đồng quản trị phải là cán bộ công nhân của công ty.

3. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị:

a. Là Cổ đông cá nhân sở hữu số cổ phần có quyền biểu quyết bằng hoặc lớn hơn 5 % tổng số cổ phần ghi trong điều lệ trong thời hạn liên tục từ 6 (sáu) tháng trở lên; hoặc người khác có trình độ chuyên môn là kỹ sư thuỷ lợi có kinh nghiệm trên 3 năm công tác; hoặc người khác có kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh là khai thác và xây dựng công trình thuỷ lợi trên 5 năm;

b. Hiện không là thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Điều hành của bất kỳ một doanh nghiệp nào khác cạnh tranh với Công ty, trừ trường hợp được sự chấp thuận khác của Đại hội đồng cổ đông;

c. Có sức khoẻ, có phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết, hiểu biết và có ý thức chấp hành pháp luật;

d. Có đủ năng lực hành vi dân sự; không thuộc đối tượng bị cấm đảm nhận chức vụ quản lý, điều hành doanh nghiệp theo quy định của pháp luật và các đối tượng qui định tại khoản 2, Điều 13 của Luật Doanh nghiệp;

e. Các tiêu chuẩn khác do Đại hội đồng cổ đông quy định đối với thành viên Hội đồng quản trị vào từng thời điểm.

4. Một thành viên Hội đồng quản trị sẽ bị bãi nhiệm, miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

12

a. Thành viên này không còn đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn quy định tại khoản 3 Điều này hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;

b. Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến Công ty;

c. Không đủ sức khỏe để thực hiện nhiệm vụ theo kết luận của Hội đồng giám định y khoa;

d. Thành viên đó vắng mặt, không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng 6 (sáu) tháng mà không có sự cho phép của Hội đồng và Hội đồng đã quyết định thành viên đó bị bãi nhiệm; Trừ trường hợp bất khả kháng;

e. Thành viên đó bị cách chức thành viên Hội đồng theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

f. Không trung thực trong thực thi nhiệm vụ, quyền hạn hoặc lợi dụng chức vụ, quyền hạn để thu lợi cho bản thân hoặc cho người khác; báo cáo không trung thực tình hình tài chính Công ty; có hành vi đi ngược lại với quyền lợi công ty; tiết lộ thông tin bí mật công ty;

g. Hết nhiệm kỳ nhưng không được bầu lại.

h. Ngoài những quy định trên, thành viên hội đồng quản trị có thể bị bãi miễn bất cứ lúc nào theo nghị quyết của đại hội đồng cổ đông.

5. Không một thành viên Hội đồng quản trị nào được quyền đại diện, đảm bảo, cam kết thay mặt Công ty hoặc ràng buộc Công ty vào bất kỳ nghĩa vụ nào trừ trường hợp được quy định rõ trong Điều lệ này hoặc trong nghị quyết của Hội đồng quản trị được triệu tập và thông qua một cách hợp lệ.

6. Mỗi thành viên Hội đồng phải tuân thủ tất cả các nghị quyết của Hội đồng quản trị.

7. Mỗi thành viên Hội đồng phải luôn hành động trung thực vì lợi ích của Công ty và thực hiện các nghĩa vụ của mình một cách trung thực nhân danh Công ty, và không được thực hiện bất kỳ hành động nào dẫn đến việc Công ty vi phạm pháp luật.

8. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị:

~~A~~ a. Các thành viên Hội đồng sẽ không được hưởng lương trừ trường hợp thành viên này cũng đồng thời kiêm nhiệm các chức vụ quản lý điều hành hoặc là một nhân viên trong Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù

R

lao công việc và tiền thưởng. Thù lao công việc được tính theo số thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên (Cụ thể bằng 5% lợi nhuận sau thuế của năm tài chính và được chia theo hệ số:

+ Chủ tịch: hệ số 1,5.
+ Ủy viên: hệ số 1,0.

b. Tiền thưởng hằng năm của các thành viên Hội đồng do Đại hội đồng cổ đông quyết định trên cơ sở kết quả và hiệu quả sản xuất, kinh doanh của Công ty.

c. Các thành viên Hội đồng có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện nhiệm vụ được giao, kể cả mọi chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp của Hội đồng, hoặc các tiểu ban của Hội đồng, hoặc Đại hội đồng cổ đông.

d. Thành viên Hội đồng thực hiện các công việc khác cho Công ty và công việc này nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ quy định của thành viên Hội đồng quản trị, thì có thể được trả thêm thù lao dưới dạng khoản việc trọn gói, hoa hồng... theo quyết định của Hội đồng quản trị.

9. Hằng năm, Hội đồng lập dự toán chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị, kể cả tiền thù lao, trình Đại hội đồng cổ đông quyết định. Chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp và phải được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty, phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

10. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị sẽ cung cấp thông tin đúng lúc và đầy đủ cho Ban Kiểm soát khi được yêu cầu theo quy định tại điểm h, khoản 4, Điều 46 của Điều lệ này.

Điều 32. Nhiệm kỳ của Hội đồng và thành viên Hội đồng quản trị

1. Nhiệm kỳ Hội đồng quản trị là 5 (năm) năm. Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Hội đồng quản trị mới được bầu và tiếp quản công việc.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị là 5 (năm) năm và có thể được Đại hội đồng cổ đông bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

vu

Trường hợp có thành viên được bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ thì nhiệm kỳ của thành viên đó là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị.

Điều 33. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị. Do đặc thù của công ty là thực hiện nhiệm vụ quản lý khai thác công trình thủy lợi theo đơn đặt hàng của nhà nước và công ty có quy mô nhỏ nên Chủ tịch Hội đồng quản trị là người kiêm nhiệm Giám đốc Công ty.

2. Chủ tịch Hội đồng thực hiện nhiệm vụ quản lý Hội đồng quản trị, tạo mọi điều kiện để Hội đồng thực hiện đầy đủ chức năng của mình. Chủ tịch có quyền và trách nhiệm quy định tại Điều lệ này và theo Luật Doanh nghiệp; đồng thời chịu trách nhiệm cá nhân về việc thực hiện quyền hạn nhiệm vụ của mình. Chủ tịch hội đồng quản trị sử dụng con dấu và bộ máy của công ty để thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn của mình.

3. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt thì uỷ quyền bằng văn bản cho một thành viên khác để thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được uỷ quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị không làm việc được thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên tạm thời giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số quá bán.

4. Chủ tịch Hội đồng phải triệu tập và chủ tọa các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và các cuộc họp của Hội đồng. Trường hợp Chủ tịch hoặc người được uỷ quyền vắng mặt, hoặc không có mặt trong vòng 90 (chín mươi) phút sau khi cuộc họp dự kiến bắt đầu, thì các thành viên Hội đồng có mặt sẽ bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp.

5. Khi Chủ tịch Hội đồng từ chức hoặc bị bãi miễn vì bất cứ lý do nào thì Hội đồng phải tổ chức bầu người thay thế trong thời hạn không quá 30 (mười) ngày.

6. Chủ tịch hội đồng quản trị có quyền và nhiệm vụ:

- + Lập chương trình và kế hoạch hoạt động của hội đồng quản trị;
- + Chuẩn bị hoặc tổ chức chương trình, nội dung, triệu tập và chủ tọa cuộc họp hội đồng quản trị và cuộc họp đại hội đồng cổ đông.
- + Tổ chức thông qua và ra quyết định các nghị quyết đại hội cổ đông, nghị quyết cuộc họp hội đồng quản trị;
- + Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của hội đồng quản trị.

+ Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của luật doanh nghiệp và điều lệ này.

R

Điều 34. Cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp Hội đồng sẽ được tổ chức theo nhu cầu hoạt động kinh doanh, nhưng mỗi quý phải họp tối thiểu một lần và cuộc họp phải do Chủ tịch Hội đồng làm chủ tọa.

2. Chủ tịch có thể triệu tập cuộc họp Hội đồng quản trị bất thường khi nhận được đề nghị của một trong các đối tượng sau đây:

a. Chủ tịch Hội đồng hoặc có từ 2 (hai) thành viên Hội đồng quản trị trở lên;

b. Trưởng ban hoặc có từ 2 (hai) thành viên trong Ban Kiểm soát trở lên;

c. Giám đốc hoặc ít nhất có từ 5 (năm) thành viên Ban Điều hành Công ty trở lên.

Đề nghị phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

3. Chủ tịch Hội đồng phải gửi thông báo triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị đến mỗi thành viên trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 2 Điều này. Trường hợp Chủ tịch không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 5 (năm) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải nêu rõ chương trình họp, thời gian và địa điểm họp, và phải có đính kèm các tài liệu cần thiết. Giám đốc phải cung cấp cho Chủ tịch Hội đồng chương trình dự thảo cho mỗi cuộc họp thường kỳ của Hội đồng quản trị. Chương trình họp Hội đồng quản trị bất thường sẽ do người yêu cầu triệu tập cuộc họp Hội đồng cung cấp.

5. Cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị phải được tiến hành trong thời hạn 7 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do chủ tịch hội đồng quản trị triệu tập.

6. Thông thường các cuộc họp Hội đồng sẽ được tiến hành tại trụ sở chính của Công ty nhưng cũng có thể được tiến hành tại địa điểm khác do Chủ tịch Hội đồng quyết định tùy từng thời điểm.

7. Thành viên Hội đồng có thể tham dự cuộc họp Hội đồng quản trị qua điện thoại hoặc các phương tiện thông tin điện tử khác với điều kiện mỗi thành viên này có thể nghe rõ các thành viên khác có mặt trong cuộc họp và các thành viên có mặt cũng nghe rõ thành viên này nói. Hình thức tham dự này được xem như tương đương với việc đích thân tham dự cuộc họp Hội đồng quản trị.

8. Nếu một thành viên Hội đồng không thể tham dự một cuộc họp Hội đồng quản trị, thành viên này có thể ủy quyền một người đại diện cho mình bằng văn bản (có thể là một thành viên Hội đồng khác hoặc không phải) để tham dự họp và đại diện cho mình trong cuộc họp nếu được đa số thành viên Hội đồng chấp nhận. Người đại diện có thể được ủy quyền tham dự một cuộc họp Hội đồng nhất định hoặc bất kỳ cuộc họp Hội đồng nào cho đến khi có thông báo khác của thành viên ủy quyền. Mỗi văn bản chỉ định đại diện phải được gửi đến Chủ tịch Hội đồng tại trụ sở Công ty trước khi bắt đầu cuộc họp Hội đồng quản trị. Mỗi người đại diện sẽ có một phiếu bầu tương ứng với mỗi thành viên mà người này đại diện và một phiếu bầu của mình nếu người đại diện cũng đồng thời là một thành viên trong Hội đồng quản trị.

9. Bất kỳ thành viên Hội đồng nào cũng có thể yêu cầu Giám đốc, Kế toán trưởng hoặc các thành viên khác trong Ban Điều hành tham dự họp Hội đồng quản trị để báo cáo trực tiếp với Hội đồng về tất cả các vấn đề liên quan đến Công ty hoặc hoạt động kinh doanh của Công ty nằm trong phạm vi trách nhiệm của họ.

10. Thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc không phải là thành viên Hội đồng quản trị, có quyền dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết. Trong trường hợp cần thiết, các thành viên Hội đồng có thể cho phép người khác tham dự cuộc họp để cố vấn, và hỗ trợ tư vấn tại các cuộc họp Hội đồng quản trị với điều kiện là những người đó phải cam kết tuân theo những yêu cầu bảo mật do Hội đồng quản trị quy định.

Điều 35. Số thành viên tối thiểu cần có tại mỗi cuộc họp Hội đồng quản trị

Số thành viên tham dự tối thiểu cần thiết (hiện diện hoặc có đại diện thay thế) để tiến hành họp Hội đồng quản trị khi có từ 2 (hai) thành viên trở lên dự.

Điều 36. Biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Trong mỗi cuộc họp Hội đồng quản trị, mỗi thành viên có 1 (một) phiếu biểu quyết. Các vấn đề đặt ra trong cuộc họp sẽ được quyết định bởi đa số phiếu của các thành viên tham dự (hiện diện hoặc có đại diện thay thế). Trong trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

2. Thành viên không trực tiếp dự họp có quyền biểu quyết thông qua bỏ phiếu bằng văn bản. Phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất 1 (một) giờ trước giờ khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

3. Thành viên Hội đồng không được bỏ phiếu về các giao dịch với bên liên quan mà thành viên đó hoặc bất kỳ người có liên quan nào mà thành viên này có liên hệ.

Điều 37. Nghị quyết bằng văn bản thông qua không cần họp Hội đồng quản trị

Theo yêu cầu của bất kỳ một thành viên nào, Hội đồng quản trị có thể thông qua bất kỳ quyết định nào mà không cần tổ chức cuộc họp nếu như nhận được văn bản chấp thuận của đa số thành viên Hội đồng để thông qua một quyết định tương tự trong trường hợp triệu tập cuộc họp theo đúng thể thức và phù hợp với Điều lệ này. Văn bản chấp thuận sẽ có hiệu lực giống như sự phê chuẩn của thành viên Hội đồng hiện diện tại cuộc họp chính thức. Văn bản chấp thuận có thể lập thành một hoặc nhiều tài liệu với hình thức giống nhau và mỗi bản đều phải có chữ ký của một hoặc nhiều thành viên Hội đồng. Văn bản chấp thuận có thể là bản fax nhưng phải kèm theo sau đó là bản gốc và được Công ty lưu giữ. Các nghị quyết bằng văn bản phải luôn sẵn sàng cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị kiểm tra.

Điều 38. Biên bản cuộc họp Hội đồng quản trị

Tiến trình và các quyết định của các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi chép vào biên bản. Tất cả các thành viên Hội đồng hiện diện tại cuộc họp Hội đồng quản trị phải ký tên vào biên bản. Biên bản gốc sẽ được lưu giữ trong Sổ Biên bản. Sổ Biên bản phải luôn sẵn sàng cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị kiểm tra.

Điều 39. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Giám đốc hoặc người quản lý các đơn vị trong Công ty cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.

2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị.

Chương VI GIÁM ĐỐC VÀ BỘ MÁY GIÚP VIỆC

Điều 40. Tổ chức bộ máy quản lý

Công ty sẽ áp dụng hệ thống quản lý mà theo đó bộ máy quản lý sẽ chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và dưới sự lãnh đạo của Hội đồng quản trị. Công ty có: Giám đốc, các Phó Giám đốc, Kế toán trưởng, các thành viên khác trong Ban Điều hành và một số cán bộ quản lý, tất cả đều phải có trình độ chuyên môn và kinh nghiệm phù hợp.

Điều 41. Giám đốc và các Phó Giám đốc

1. Giám đốc:

a. Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của công ty, điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Giám đốc do chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm nhiệm nên người trúng cử chủ tịch hội đồng quản trị đương nhiên là giám đốc công ty. Nhiệm kỳ của Giám đốc là 5 (năm) năm và có thể được tái bổ nhiệm với số nhiệm kỳ không hạn chế theo quyết định của Hội đồng quản trị. Tiền lương, phúc lợi, các quyền lợi khác, cũng như các điều khoản và điều kiện khác do Hội đồng quản trị quyết định.

b. Nghĩa vụ của Giám đốc bao gồm việc thực thi các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các quyết định của Hội đồng quản trị; tổ chức và điều hành các hoạt động hằng ngày của Công ty phù hợp với các cơ cấu và thông lệ quản lý hiện đại. Tất cả các nghĩa vụ này phải được thực hiện một cách trung thực và vì lợi ích của Công ty.

c. Giám đốc Công ty phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

(i). Là Cổ đông cá nhân sở hữu bằng hoặc lớn hơn 10% vốn điều lệ của Công ty và phải là người có trình độ chuyên môn là kỹ sư thủy lợi có kinh nghiệm trên 3 năm công tác; hoặc có kinh nghiệm thực tế trong quản lý điều hành sản xuất kinh doanh chuyên ngành thủy lợi trên 5 năm.

(ii). Có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết; hiểu biết pháp luật và có ý thức chấp hành pháp luật;

(iii). Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm đảm nhiệm chức vụ quản lý, điều hành doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2, Điều 13 của Luật Doanh nghiệp.

(iv). Các tiêu chuẩn khác do Đại hội đồng cổ đông quy định đối với Giám đốc vào từng thời điểm.

d. Giám đốc có các quyền và trách nhiệm sau đây:

(i). Thực hiện tất cả các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông; kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;

X (ii). Quyết định tất cả các vấn đề không cần phải có quyết nghị của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất, kinh doanh thường nhật của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;

(iii). Kiến nghị phương án sản xuất kinh doanh và phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ Công ty;

(iv). Thực thi kế hoạch kinh doanh hàng năm do Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị thông qua;

(v). Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;

(vi). Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các chức danh quản lý trong Công ty từ phó giám đốc trở xuống, trừ ban kiểm soát;

(vii). Quyết định lương và phụ cấp (nếu có) đối với người lao động trong Công ty kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Giám đốc;

(viii). Được quyền quyết định tuyển dụng và sa thải lao động; quyết định bố trí sắp xếp lao động phù hợp với chuyên môn nghiệp vụ của người lao động nhằm mục đích đạt hiệu quả cao nhất.

(ix). Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

(x). Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và quyết định của Hội đồng quản trị.

e. Giám đốc có thể từ chức bất kỳ lúc nào, với điều kiện phải thông báo với Công ty theo đúng quy định được ghi rõ trong hợp đồng tuyển dụng ký với Công ty.

f. Giám đốc được mời tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị với vai trò quan sát viên, nhưng không được bỏ phiếu trừ khi Giám đốc cũng đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị.

2. Các Phó Giám đốc giúp Giám đốc điều hành Công ty theo phân công và uỷ quyền của Giám đốc, chịu trách nhiệm trước Giám đốc, trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công và uỷ quyền. Phó giám đốc do giám đốc bổ nhiệm;

3. Giám đốc và các Phó Giám đốc sẽ cung cấp đúng lúc và đầy đủ thông tin cho Ban Kiểm soát khi được yêu cầu theo quy định điểm h, khoản 4, Điều 46 của Điều lệ này.

4. Giám đốc được hưởng lương và tiền thưởng do hội đồng quản trị quyết định. Được quyền chi phí giao dịch tiếp khách vì mục đích hoạt động công ty với mức 5% tính trên tổng giá trị doanh thu. Trừ khi hội đồng quản trị xét thấy cần thiết thì mức chi phí này có thể thay đổi. Tất cả các khoản lương, thưởng, chi phí giao dịch của giám đốc được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh của công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp.

5. Được quyền quyết định các hợp đồng mua bán, vay cho vay và các hợp đồng có giá trị nhỏ hơn 50% giá trị tài sản trong sổ sách được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất. Riêng các hợp đồng nhận thầu xây lắp thì được quyền tự quyết định mà không quy định một tỷ lệ giá trị cụ thể nào.

6. Được quyền quyết định các biện pháp vượt quá thẩm quyền của mình trong trường hợp khẩn cấp như: thiên tai, dịch hoả, hoả hoạn, sự cố công trình... và phải chịu trách nhiệm về các quyết định này, đồng thời phải báo ngay cho hội đồng quản trị biết.

7. Có quyền từ chối các quyết định của hội đồng quản trị trái pháp luật, trái điều lệ và nghị quyết đại hội cổ đông, đồng thời phải báo cho ban kiểm soát biết.

Điều 42. Kế toán trưởng

1. Dưới sự chỉ đạo của Giám đốc, Kế toán trưởng chịu trách nhiệm về tổ chức thực hiện công tác kế toán Công ty; giúp Hội đồng quản trị và Giám đốc giám sát tài chính tại Công ty theo pháp luật về tài chính, kế toán. Kế toán trưởng chịu trách nhiệm trước Giám đốc, trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công hoặc uỷ quyền.

2. Trong trường hợp có mâu thuẫn trong chỉ đạo giữa Hội đồng quản trị và Giám đốc đối với Kế toán trưởng, thì ý kiến chỉ đạo của Hội đồng quản trị sẽ được thực hiện.

3. Kế toán trưởng có trách nhiệm cung cấp thông tin đúng lúc và đầy đủ cho Ban Kiểm soát khi được yêu cầu theo quy định tại điểm h, khoản 4, Điều 46 của Điều lệ này.

4. Kế toán trưởng do giám đốc bổ nhiệm;

Điều 43. Không kiêm nhiệm

Trừ trường hợp được Hội đồng quản trị phê chuẩn, Giám đốc và các thành viên Ban Điều hành Công ty không được đồng thời giữ chức vụ Giám đốc hoặc bất kỳ một vị trí quản lý khác hoặc là nhân viên của bất kỳ một tổ chức kinh doanh nào tại Việt Nam mà Hội đồng quản trị cho rằng có khả năng gây thiệt hại cho lợi ích của Công ty.

Điều 44. Công khai các lợi ích liên quan và các hợp đồng phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận

1. Công khai các lợi ích liên quan:

a. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc và người quản lý khác của Công ty phải kê khai các lợi ích liên quan của họ với Công ty, bao gồm:

(i). Tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh, số và ngày cấp Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

(ii). Tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh, số và ngày cấp Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng cổ phần hoặc phần vốn góp trên 35% vốn điều lệ.

b. Việc kê khai quy định tại điểm a, khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 7 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được khai báo với Công ty trong thời hạn 7 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

c. Việc kê khai quy định tại điểm a và điểm b, khoản 1 của Điều này phải được thông báo cho Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên và được niêm yết, lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty. Cổ đông, đại diện theo ủy quyền của Cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Giám đốc có quyền xem xét nội dung kê khai bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết.

d. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.

Vier

2. Các hợp đồng phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận

a. Hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với các đối tượng sau đây phải được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận:

(i). Cổ đông, người đại diện uỷ quyền của Cổ đông sở hữu trên 35% tổng số cổ phần của Công ty và những người có liên quan của họ;

(ii). Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty;

(iii). Doanh nghiệp được quy định tại tiết (i) và tiết (ii), điểm a, khoản 1 của Điều này và người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc.

b. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng và giao dịch có giá trị nhỏ hơn 50% tổng giá trị tài sản ghi trong báo cáo tài chính của Công ty gần nhất. Trong trường hợp này, Giám đốc Công ty phải gửi đến các thành viên Hội đồng quản trị; niêm yết tại trụ sở chính, chi nhánh của Công ty dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng hoặc giao dịch trong thời hạn 15 (mười lăm ngày), kể từ ngày niêm yết; thành viên có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết.

c. Đại hội đồng cổ đông chấp thuận các hợp đồng và giao dịch khác trừ trường hợp quy định tại điểm b, khoản 2 Điều này. Hội đồng quản trị trình dự thảo hợp đồng hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản. Trong trường hợp này, Cổ đông có liên quan không có quyền biểu quyết; hợp đồng hoặc giao dịch được chấp thuận khi có số Cổ đông đại diện 65% tổng số phiếu biểu quyết còn lại đồng ý.

d. Trường hợp hợp đồng qui định tại điểm b và điểm c, khoản 2 của Điều này được ký mà chưa được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận thì hợp đồng đó vô hiệu và được xử lý theo qui định của pháp luật. Những người gây thiệt hại cho Công ty phải chịu trách nhiệm bồi thường.

Điều 45. Nghĩa vụ của người quản lý Công ty

1. Ngoài các nghĩa vụ và trách nhiệm do pháp luật hoặc Điều lệ này quy định, mỗi thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Điều hành, thành viên Ban Kiểm soát và người quản lý khác có các nghĩa vụ sau đây:

a. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định của Luật Doanh nghiệp, pháp luật có liên quan, Điều lệ Công ty, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

VK
b. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty và Cổ đông của Công ty;

c. Trung thành với lợi ích của Công ty và Cổ đông của Công ty; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

d. Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Công ty về các doanh nghiệp mà họ và người có liên quan của họ làm chủ hoặc có phần vốn góp, cổ phần chi phối; thông báo này được niêm yết tại trụ sở chính và chi nhánh của Công ty.

2. Ngoài các nghĩa vụ quy định tại khoản 1 Điều này, Hội đồng quản trị và Giám đốc không được tăng lương, trả thưởng khi Công ty không thanh toán đủ các khoản nợ đến hạn.

3. Các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

Chương VII BAN KIỂM SOÁT

Điều 46. Ban Kiểm soát

1. Ban Kiểm soát là cơ quan có thẩm quyền thay mặt Đại hội đồng cổ đông giám sát tất cả các hoạt động và công việc kinh doanh của Công ty. Ban Kiểm soát hoạt động độc lập với Hội đồng quản trị và Ban Điều hành, và thực hiện báo cáo trực tiếp với Đại hội đồng cổ đông.

2. Trừ khi Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác, Ban Kiểm soát Công ty có 1 (một) thành viên, trong đó thành viên này phải có nghiệp vụ kế toán viên hoặc kiểm toán viên; nhiệm kỳ Ban Kiểm soát là 5 (năm) năm; chế độ làm việc của Ban Kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định.

3. Ban Kiểm soát còn có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

a. Kiểm tra việc Hội đồng quản trị tuân thủ pháp luật, các nghị quyết và quyết định của Đại hội đồng cổ đông; việc Ban Điều hành tuân thủ pháp luật, các nghị quyết và quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc của Hội đồng quản trị; hiệu quả quản lý và hiệu quả hoạt động kinh doanh của Hội đồng quản trị và Ban Điều hành;

b. Đảm bảo quy trình bầu cử Hội đồng quản trị được minh bạch và đúng thủ tục;

c. Kiểm tra công tác quản lý và hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty nếu thấy cần thiết hoặc theo yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông, hoặc của Cổ đông hoặc Nhóm Cổ đông theo quy định tại tiết (ix), điểm a, khoản 2, Điều 17 của Điều lệ này;

d. Thẩm tra tính chính xác và hợp pháp của công tác kế toán, bao gồm việc ghi chép các sổ sách kế toán và lập báo cáo tài chính;

e. Thẩm định các báo cáo tài chính;

f. Giám sát tính hiệu quả của cơ chế kiểm soát nội bộ mà Công ty áp dụng và kiến nghị những thay đổi cần thiết;

g. Yêu cầu Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng, Ban Điều hành, các thành viên Ban Điều hành hoặc bất kỳ nhân viên nào của Công ty cung cấp đúng hạn và đầy đủ các thông tin liên quan đến Hội đồng quản trị, Ban Điều hành, và hoạt động của Công ty;

h. Điều đặn thông báo cho Hội đồng quản trị và Giám đốc về tình hình hoạt động của Công ty;

i. Đề xuất những điều chỉnh, thay đổi, và cải tiến cần thiết trong hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Điều hành, và trong hoạt động của Công ty;

k. Các quyền và nhiệm vụ khác quy định tại Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp.

4. Trường Ban Kiểm soát có nhiệm vụ lập và tổ chức thực hiện kế hoạch kiểm tra hằng quý, năm; đồng thời, có trách nhiệm báo cáo kết quả thực hiện trước Đại hội đồng cổ đông.

5. Việc kiểm tra của Ban Kiểm soát không được làm cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, của Ban Điều hành, đồng thời không gây gián đoạn trong hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng ngày của Công ty. Ban Kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông về những sai phạm gây thiệt hại cho bản thân Công ty trong khi thực hiện nhiệm vụ.

Điều 47. Thành viên Ban Kiểm soát

VVC

1. Nhiệm kỳ của thành viên Ban Kiểm soát là 5 (năm) năm, trùng với nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị. Thành viên Ban Kiểm soát có thể được Đại hội đồng cổ đông tái bổ nhiệm trong các nhiệm kỳ liên tiếp.

✓ 2. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban Kiểm soát:

a. Từ 21 tuổi trở lên, có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2, Điều 13 của Luật Doanh nghiệp;

b. Có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết, có ý thức chấp hành pháp luật;

c. Không phải là vợ hoặc chồng, cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh, chị, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác;

✓ d. Thành viên Ban Kiểm soát không được giữ các chức vụ quản lý Công ty: Thành viên hội đồng quản trị, giám đốc, phó giám đốc, kế toán trưởng và nhân viên phòng kế toán. Thành viên ban kiểm soát phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty và phải có trình độ nghiệp vụ chuyên ngành về kế toán.

e. Các tiêu chuẩn khác do Đại hội đồng cổ đông quy định đối với thành viên Ban Kiểm soát vào từng thời điểm.

3. Thù lao và lợi ích khác của thành viên Ban Kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

a. Thành viên Ban Kiểm soát được trả thù lao theo công việc và được hưởng các lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức thù lao và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban Kiểm soát căn cứ vào số ngày làm việc dự tính, số lượng và tính chất của công việc và mức thù lao bình quân hằng ngày của thành viên;

b. Thành viên Ban Kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban Kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác; tổng mức thù lao của ban kiểm soát không quá 1% lợi nhuận sau thuế theo năm tài chính. Thành viên ban kiểm soát được quyền kiêm nhiệm các công việc khác của công ty để hưởng lương theo quyết định về sử dụng lao động của giám đốc; trừ các chức vụ nêu ở điểm d khoản 2 điều 47 này.

c. Thù lao và chi phí hoạt động của Ban Kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về Thuế Thu nhập doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

✓✓

4. Cung cấp thông tin cho Ban Kiểm soát:

a. Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và các tài liệu kèm theo phải được gửi đến thành viên Ban Kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.

b. Báo cáo của Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành được gửi đến thành viên Ban Kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.

c. Thành viên Ban Kiểm soát có quyền tiếp cận các hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến các địa điểm nơi người quản lý và nhân viên của Công ty làm việc.

d. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và các thành viên Ban Điều hành khác của Công ty phải cung cấp đầy đủ, kịp thời thông tin, tài liệu cũng như giải thích về hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của Ban Kiểm soát, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

5. Thành viên Ban Kiểm soát bị bãi nhiệm, miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban Kiểm soát theo quy định tại khoản 2 Điều này;

b. Không thực hiện quyền và nhiệm vụ của mình trong 6 (sáu) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c. Bị pháp luật cấm giữ chức vụ thành viên Ban Kiểm soát;

d. Có đơn xin từ chức;

e. Không đủ sức khỏe để thực hiện nhiệm vụ theo kết luận của Hội đồng giám định y khoa;

f. Bị bãi nhiệm theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

6. Trường hợp Ban Kiểm soát vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của mình có nguy cơ gây thiệt hại cho Công ty thì Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông để xem xét và miễn nhiệm Ban Kiểm soát đương nhiệm và bầu Ban Kiểm soát mới thay thế. Tiết lộ thông tin của công ty, làm ảnh hưởng uy tín lợi ích của công ty cũng đều được coi là nghiêm trọng và bị miễn nhiệm.

✓✓

4. Cung cấp thông tin cho Ban Kiểm soát:

a. Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và các tài liệu kèm theo phải được gửi đến thành viên Ban Kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.

b. Báo cáo của Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành được gửi đến thành viên Ban Kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.

c. Thành viên Ban Kiểm soát có quyền tiếp cận các hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến các địa điểm nơi người quản lý và nhân viên của Công ty làm việc.

d. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và các thành viên Ban Điều hành khác của Công ty phải cung cấp đầy đủ, kịp thời thông tin, tài liệu cũng như giải thích về hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của Ban Kiểm soát, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

5. Thành viên Ban Kiểm soát bị bãi nhiệm, miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban Kiểm soát theo quy định tại khoản 2 Điều này;

b. Không thực hiện quyền và nhiệm vụ của mình trong 6 (sáu) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c. Bị pháp luật cấm giữ chức vụ thành viên Ban Kiểm soát;

d. Có đơn xin từ chức;

e. Không đủ sức khỏe để thực hiện nhiệm vụ theo kết luận của Hội đồng giám định y khoa;

f. Bị bãi nhiệm theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

6. Trường hợp Ban Kiểm soát vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của mình có nguy cơ gây thiệt hại cho Công ty thì Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông để xem xét và miễn nhiệm Ban Kiểm soát đương nhiệm và bầu Ban Kiểm soát mới thay thế. Tiết lộ thông tin của công ty, làm ảnh hưởng uy tín lợi ích của công ty cũng đều được coi là nghiêm trọng và bị miễn nhiệm.

7. Trường hợp Ban Kiểm soát bị thiếu người theo quy định của Điều lệ này thì cuộc họp gần nhất của Đại hội đồng cổ đông sẽ bầu người bổ sung.

Điều 48. Nghĩa vụ của thành viên Ban Kiểm soát

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ Công ty, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

2. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty và Cổ đông của Công ty.

3. Trung thành với lợi ích của Công ty và Cổ đông Công ty; không được sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

4. Các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

5. Trường hợp vi phạm nghĩa vụ quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 của Điều này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì các thành viên Ban Kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó.

Mọi thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban Kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp có được do vi phạm nghĩa vụ quy định tại khoản 3 Điều này đều thuộc sở hữu của Công ty.

6. Trường hợp phát hiện có thành viên Ban Kiểm soát vi phạm nghĩa vụ trong thực hiện quyền và nhiệm vụ được giao thì Hội đồng quản trị phải thông báo bằng văn bản đến Ban Kiểm soát; yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

Điều 49. Trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm thanh toán các chi phí

1. Miễn trách nhiệm cá nhân: Không một thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, giám đốc hoặc thành viên Ban Điều hành nào phải chịu trách nhiệm cá nhân về những hành động của mình hoặc bất kỳ hành động nào được thực hiện một cách có thiện chí nhân danh Công ty, phù hợp với phạm vi quyền hạn được giao theo quy định, hoặc phù hợp với phạm vi quyền hạn được ủy nhiệm cho họ theo Điều lệ này, hoặc phù hợp với các quyết định của Đại hội đồng cổ đông, hoặc của Hội đồng quản trị, mà người quản lý đã đem hết khả năng một cách trung thực, cẩn thận để ngăn chặn và hạn chế nhưng không đạt kết quả mong muốn. Hoặc các trường hợp bất khả kháng: thiên tai, lũ lụt, sự CỐ...

M

2. Trách nhiệm thanh toán các chi phí: Mỗi thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, hoặc thành viên Ban Điều hành hành động với thiện chí sẽ được Công ty dùng tài sản của mình bồi thường cho các nghĩa vụ tài chính mà người đó phải chịu khi phải ra hầu Toà trong các vụ kiện có liên quan đến các công việc của Công ty, cho dù là vụ kiện dân sự hoặc hình sự, mà tại phiên toà đó: (i) phán quyết Tòa án đứng về phía người đó hoặc (ii) người đó được tha bổng.

Chương VIII LAO ĐỘNG

Điều 50. Ký hợp đồng lao động

Phó Giám đốc, Kế toán trưởng, và từng nhân viên của Công ty phải ký các hợp đồng lao động riêng biệt với Giám đốc. Giám đốc sẽ ký hợp đồng lao động với Hội đồng quản trị, được đại diện bởi Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 51. Các vấn đề khác về lao động

1. Tất cả các vấn đề liên quan đến công nhân viên chức của Công ty, kể cả các hợp đồng lao động, thoả ước lao động tập thể, thời gian làm việc và ngày nghỉ, lương, bảo hiểm xã hội, tuyển dụng, đào tạo, thanh tra lao động, giải quyết tranh chấp lao động và những vấn đề có liên quan khác sẽ do Giám đốc quyết định theo quy định của pháp luật.

2. Giám đốc được quyền quyết định về tuyển dụng lao động và chấm dứt hợp đồng lao động theo nhu cầu của sản xuất kinh doanh, buộc thôi việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với cán bộ quản lý và người lao động.

3. Hội đồng quản trị ấn định mức tối đa tổng số lao động và quỹ lương của Công ty. Giám đốc có quyền tự do lựa chọn ký kết hợp đồng lao động theo nhu cầu của Công ty trên cơ sở định mức đó.

4. Giám đốc có trách nhiệm tuân thủ các quy định pháp luật về lao động trong việc sử dụng lao động của Công ty. Giám đốc có quyền đề ra nội quy Công ty và phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn trước khi ban hành. Tất cả công nhân viên chức của Công ty phải tuân theo nội quy này. Giám đốc có quyền khen thưởng, kỷ luật đến buộc thôi việc với những trường hợp vi phạm nội quy, quy chế hoạt động của công ty cổ phần khai thác và xây dựng thuỷ lợi Kon Tum.

Chương IX TÀI CHÍNH - KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN

Điều 52. Báo cáo tài chính và kế toán

1. Hệ thống kế toán: Công ty lập sổ sách kế toán theo đúng quy định của pháp luật và được lập một cách trung thực, chính xác. Công ty áp dụng Chuẩn mực kế toán Việt Nam (VAS).

2. Trình báo cáo hằng năm:

a. Tại thời điểm kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải chuẩn bị các báo cáo và tài liệu sau đây:

- (i). Báo cáo về tình hình kinh doanh của Công ty;
- (ii). Báo cáo tài chính;
- (iii). Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty;
- (iv). Các khoản công nợ tồn đọng chưa được xử lý từ 2 (hai) năm trở lên;

b. Các báo cáo và tài liệu quy định tại điểm a, khoản 2 Điều này phải được gửi đến Ban Kiểm soát để thẩm định chậm nhất 20 (hai mươi) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp thường niên của Đại hội đồng cổ đông.

c. Báo cáo và tài liệu do Hội đồng quản trị chuẩn bị; báo cáo thẩm định của Ban Kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải có ở trụ sở chính và chi nhánh của Công ty chậm nhất là 7 (bảy) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp thường niên của Đại hội đồng cổ đông.

3. Năm tài chính của Công ty sẽ bắt đầu vào ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày Công ty được cấp Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 của năm đó.

4. Tài khoản và chứng từ:

a. Tất cả các chứng từ kế toán, hóa đơn, sổ sách và báo cáo của Công ty được lập và lưu giữ bằng tiếng Việt. Tất cả các chứng từ, báo cáo kế toán và tài chính quan trọng phải được Giám đốc và Kế toán trưởng phê chuẩn và ký tên. Công ty sẽ lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà Công ty tham gia. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

b. Công ty sử dụng Đồng Việt Nam làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.

111

c. Trong 3 (ba) tháng đầu tiên của mỗi năm tài chính, Công ty phải lập báo cáo tài chính năm của năm tài chính trước liền kề để lưu giữ; đồng thời, gửi cho Hội đồng quản trị và cho các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật. Mặt khác, vào cuối mỗi quý tài chính, Công ty phải lập báo cáo tài chính quý và gửi báo cáo cho Hội đồng quản trị trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày kết thúc mỗi quý tài chính.

d. Trường hợp pháp luật yêu cầu phải kiểm toán báo cáo tài chính hằng năm thì Công ty phải thực hiện kiểm toán trước khi trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

e. Các thành viên Hội đồng quản trị có quyền gặp Ban Kiểm soát Công ty hoặc kiểm toán viên để thảo luận về các báo cáo tài chính của Công ty và các vấn đề có liên quan.

f. Các thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban Kiểm soát có quyền xem xét các sổ sách kế toán của Công ty vào bất kỳ lúc nào khi có nhu cầu, và Công ty phải hợp tác toàn diện trong quá trình xem xét này.

Điều 53. Cổ tức

1. Công bố việc chi trả cổ tức:

a. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Công ty có thể công bố chi trả cổ tức với điều kiện:

(i). Mức cổ tức chi trả không được vượt quá mức Hội đồng quản trị đề nghị;

(ii) Mức cổ tức chi trả không được vượt quá mức lợi nhuận của Công ty được ghi rõ trong báo cáo tài chính năm;

(iii). Công ty đã hoàn thành mọi nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước của các năm trước đó và đã trừ đi các loại quỹ mà Công ty vẫn đảm bảo thanh toán đủ các khoản nợ sau khi đã công bố và chi trả cổ tức.

b. Căn cứ theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông về công bố mức cổ tức, Hội đồng quản trị sẽ quyết định phương thức thanh toán cổ tức.

c. Cổ tức có thể được thanh toán bằng tiền mặt tại trụ sở Công ty, hoặc bằng séc, hoặc bằng chuyển khoản đến các tài khoản trong phạm vi Việt Nam theo sự chỉ dẫn của Cổ đông, hoặc bằng cổ phần nếu được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông, hoặc hình thức khác theo quy định của pháp luật. Chi phí và các khoản phí tổn phát sinh trong việc gửi séc hoặc chuyển tiền sẽ do Cổ đông chịu và được Công ty khấu trừ vào phần cổ tức của Cổ đông được hưởng. Cổ đông chịu trách nhiệm trả thuế đánh trên cổ tức.

112

✓✓

d. Đối với từng Cổ đông riêng lẻ, những bằng chứng sau đây được xem là những bằng chứng xác nhận việc hoàn tất và đáp ứng đầy đủ các nghĩa vụ thanh toán của Công ty đối với khoản cổ tức phải trả:

- (i). Trường hợp cổ tức thanh toán bằng tiền mặt: Biên nhận có chữ ký của Cổ đông.
- (ii). Trường hợp cổ tức được thanh toán bằng hình thức chuyển tiền: Thông báo chuyển tiền của ngân hàng được Công ty chỉ định chuyển tiền có ghi rõ tên và số tài khoản theo sự chỉ định của Cổ đông.
- (iii). Trường hợp cổ tức được thanh toán bằng séc: Những bằng chứng cho thấy việc chuyển séc đến địa chỉ cập nhật mới nhất của Cổ đông ghi trong Sổ Đăng ký cổ đông tại thời điểm thanh toán hoặc một bản sao tờ séc có chữ ký của Cổ đông.
- (iv). Trường hợp cổ tức được thanh toán bằng cổ phần: Các tài liệu hoặc chứng từ khác của Công ty chứng minh việc thanh toán cổ tức bằng cổ phần.

e. Trong trường hợp nhiều Cổ đông đồng sở hữu một cổ phần hoặc một số cổ phần, những bằng chứng sau đây được xem là những bằng chứng xác nhận việc hoàn tất và đáp ứng đầy đủ các nghĩa vụ thanh toán của Công ty đối với khoản cổ tức phải trả:

- (i). Trường hợp cổ tức thanh toán bằng tiền mặt: Biên nhận có chữ ký của bất kỳ một trong số các Cổ đông này.
- (ii). Trường hợp cổ tức được thanh toán bằng hình thức chuyển tiền: Thông báo chuyển tiền của ngân hàng được Công ty chỉ định chuyển tiền có ghi rõ tên tổ chức và số tài khoản theo sự chỉ định của một trong các Cổ đông này.
- (iii). Trường hợp cổ tức được thanh toán bằng séc: Những bằng chứng cho thấy việc chuyển séc đến địa chỉ cập nhật mới nhất của bất kỳ một người nào trong số đồng Cổ đông này ghi trong Sổ Đăng ký cổ đông tại thời điểm thanh toán hoặc một bản sao tờ séc có chữ ký của một trong số Cổ đông này.

f. Cổ tức sẽ được thanh toán cho Cổ đông bằng Đồng Việt Nam.

2. Chi trả cổ tức:

a. Chậm nhất 30 (ba mươi) ngày trước mỗi lần trả cổ tức, Hội đồng quản trị phải lập xong danh sách Cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức được trả đối với từng cổ phần, thời hạn và hình thức trả.

b. Thông báo về trả cổ tức phải được gửi đến tất cả Cổ đông chậm nhất 15 (mười lăm) ngày trước khi thực hiện trả cổ tức. Thông báo phải ghi rõ tên

Vh

Công ty; tên, địa chỉ Cổ đông; số cổ phần của Cổ đông; mức cổ tức và tổng số cổ tức mà Cổ đông đó được nhận; thời điểm và phương thức trả cổ tức.

c. Cổ đông chuyển nhượng cổ phần của mình trong giai đoạn giữa thời điểm kết thúc lập danh sách Cổ đông và thời điểm trả cổ tức, thì người chuyển nhượng là người được nhận cổ tức từ Công ty.

3. Công ty không phải trả tiền lãi đối với các cổ tức chưa thanh toán.

4. Tất cả các cổ tức đã được chia nhưng Cổ đông chưa nhận có thể được huy động để đầu tư hoặc sử dụng vào mục đích khác vì lợi ích của Công ty cho đến khi được Cổ đông nhận. Ngoài trừ trường hợp có quyết định khác từ Hội đồng quản trị, Cổ đông sẽ bị tước quyền yêu cầu thanh toán đối với cổ tức đã được chia nhưng Cổ đông không nhận trong vòng 6 (sáu) năm kể từ ngày chia cổ tức và cổ tức đó sẽ trở thành tài sản của Công ty.

Điều 54. Trích lập các Quỹ

1. Hội đồng quản trị có thể quyết định trích từ nguồn lợi nhuận sau thuế của Công ty hoặc từ các nguồn khác được pháp luật cho phép để lập các Quỹ cho những mục đích mà Hội đồng quản trị xét thấy phù hợp.

SĐB: 4 *ĐƯỢC TÍN LỆ QUẢN LÝ THUYẾT QUẢ TÀI CHÍNH CỦA QUỸ*
(2) Hàng năm, Công ty sẽ phải trích lợi nhuận sau thuế của mình một khoản vào các quỹ cụ thể:

+ Quỹ dự phòng tài chính: 5% lợi nhuận sau thuế của Công ty và được trích cho đến khi bằng 10% giá trị tài sản ghi trong báo năm tài chính gần nhất của Công ty.

+ Thù lao hội đồng quản trị: 5% lợi nhuận sau thuế.

+ Thù lao ban kiểm soát : 1% lợi nhuận sau thuế.

+ Trích quỹ phúc lợi, khen thưởng, mất việc làm: 19% lợi nhuận sau thuế.

+ Lợi nhuận chia cổ đông: 70% lợi nhuận sau thuế tính trên năm tài chính.

Trong đó:

- Lợi nhuận tái đầu tư : 30 % lợi nhuận sau thuế tính trên năm tài chính.

- Lợi nhuận chia cổ tức: 40% lợi nhuận sau thuế tính trên năm tài chính.

Việc trả lương cho chủ tịch hội đồng quản trị, thành viên hội đồng quản trị và ban kiểm soát cũng được thực hiện theo các quy định của nhà nước hiện hành. Hội đồng quản trị có thể quyết định việc trích lập các quỹ từ nguồn lợi nhuận sau thuế hoặc các nguồn khác trong khuôn khổ pháp luật cho phép mà hội đồng quản trị thấy cần thiết.

Điều 55. Kiểm toán

Việc tổ chức kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty được thực hiện theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và theo quy định của pháp luật.

122

Điều 57. Giải thể Công ty

a. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông; (Chức vụ, A, B, C)

c. Bị thu hồi Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh;

d. Các trường hợp khác do pháp luật quy định.

2. Trong trường hợp giải thể Công ty, các tài sản và khoản nợ của Công ty sẽ được thanh lý theo quy định của pháp luật. Số tiền thu được từ việc thanh lý sẽ được chia theo cách thức pháp luật quy định, hoặc sẽ theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp không có quy định tương ứng của pháp luật.

S.Đ.K.K.D:61
CƠ
CƠ
KHA
VÀ X
TH
KO
TP. HỒ CHÍ MINH

1. Khi Công ty gặp khó khăn hoặc bị thua lỗ trong hoạt động kinh doanh đến mức tại một thời điểm, tổng giá trị các tài sản còn lại của Công ty không đủ thanh toán tổng số các khoản nợ đến hạn thì Công ty lâm vào tình trạng phá sản.

2. Trong trường hợp đã thực hiện các biện pháp khắc phục khó khăn về tài chính để thanh toán các khoản nợ đến hạn, kể cả hoãn nợ mà Công ty vẫn không thoát khỏi tình trạng mất khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn, Giám đốc phải thông báo cho Chủ tịch Hội đồng quản trị. Giám đốc hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị phải nộp đơn đến Tòa án nơi đặt trụ sở chính của Công ty yêu cầu giải quyết việc tuyên bố phá sản Công ty. Khi đó, Giám đốc và Chủ tịch Hội đồng quản trị không được phép từ bỏ trách nhiệm của mình.

3. Các thành viên khác có quyền yêu cầu phá sản theo qui định của Luật Phá sản. Trình tự và thủ tục phá sản thực hiện theo các quy định của pháp luật về phá sản.



Vca

Chương XI

QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ, CÔNG KHAI THÔNG TIN VỀ CÔNG TY VÀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 59. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ

1. Mọi Cổ đông hoặc Nhóm Cổ đông đề cập tại tiết (ix), điểm a, khoản 2, Điều 17 của Điều lệ này đều có quyền, trực tiếp gửi một văn bản yêu cầu được kiểm tra trong giờ làm việc và tại Văn phòng Công ty về danh sách Cổ đông, các biên bản của Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó. Nếu yêu cầu kiểm tra do đại diện được ủy quyền của Cổ đông thực hiện thì phải kèm theo giấy ủy quyền của Cổ đông mà người đó đại diện.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc và cán bộ quản lý có quyền kiểm tra Sổ Đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách Cổ đông, những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới nhiệm vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

3. Công ty sẽ phải lưu Điều lệ Công ty và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ; Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh; các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản; biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị; các báo cáo của Ban Kiểm soát; báo cáo tài chính hàng năm; sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo quy định của pháp luật tại Văn phòng Công ty hoặc một nơi khác với điều kiện là các Cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các giấy tờ này.

Điều 60. Công khai thông tin về Công ty

1. Công ty phải gửi báo cáo tài chính hằng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về kế toán và pháp luật có liên quan.

2. Tóm tắt nội dung báo cáo tài chính hằng năm phải được thông báo đến tất cả các Cổ đông.

3. Mọi tổ chức, cá nhân có quyền xem hoặc sao chép báo cáo tài chính hằng năm của Công ty tại cơ quan đăng ký kinh doanh có thẩm quyền.

Điều 61. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Giải quyết tranh chấp không chính thức

a. Tranh chấp:

K

- 1/2
- (i). Giữa (các) Cổ đông hoặc giữa (các) Nhóm Cổ đông;
 - (ii). Giữa (các) Cổ đông và Hội đồng quản trị;
 - (iii). Giữa (các) Cổ đông với (các) thành viên Ban Điều hành;
 - (iv). Giữa (các) Cổ đông và Ban Kiểm soát.

Trước tiên sẽ được giải quyết thông qua hình thức thảo luận và thương lượng trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày.

b. Nếu vụ việc tranh chấp giải quyết không thành theo khoản 1 Điều này trong thời hạn cho phép nêu trên, thì bất kỳ phía nào cũng có thể gửi thông báo về vụ việc tranh chấp đó đến Chủ tịch Hội đồng quản trị yêu cầu:

- Hội đồng quản trị giải quyết đối với các tranh chấp nêu tại tiết (i) và (iii), điểm a, khoản 1 của Điều này.

- Đại hội đồng cổ đông giải quyết tranh chấp nêu tại tiết (ii) và tiết (iv) điểm a, khoản 1 của Điều này.

Chủ tịch Hội đồng quản trị phải ngay lập tức triệu tập cuộc họp Hội đồng quản trị, hoặc tùy tình huống, triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo đúng các thủ tục quy định trong Điều lệ này.

2. Các tranh chấp chưa được giải quyết:

Từ khi tranh chấp được giải quyết thành công theo khoản 1 Điều này, bất kỳ tranh chấp nào cũng sẽ được giải quyết bởi Tòa án có thẩm quyền của địa phương nơi Công ty đặt trụ sở chính theo quy định của pháp luật.

Chương XII ĐIỀU KHOẢN KHÁC

Điều 62. Con dấu Công ty

1. Công ty có con dấu riêng. Con dấu của Công ty phải được lưu giữ và bảo quản tại trụ sở chính của Công ty. Hình thức và nội dung của con dấu, điều kiện làm con dấu và chế độ sử dụng con dấu thực hiện theo quy định của pháp luật.

2. Con dấu là tài sản của Công ty. Giám đốc là người duy nhất giữ con dấu và đảm bảo việc quản lý và sử dụng con dấu theo đúng quy định của pháp luật. Trong trường hợp cần thiết, được sự đồng ý của cơ quan cấp dấu, Công ty có thể có con dấu thứ hai.

Điều 63. Thể thức sửa đổi, bổ sung Bản Điều lệ

W

Trường hợp cần sửa đổi, bổ sung Điều lệ này, Hội đồng quản trị sẽ đề nghị những mục hay vấn đề cần sửa đổi bổ sung và trình Đại hội đồng cổ đông quyết định. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông phải được 75% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các Cổ đông dự họp chấp thuận, trừ trường hợp điều chỉnh vốn điều lệ do bán thêm cổ phần mới trong phạm vi số lượng cổ phần được quyền chào bán theo qui định tại điểm i, khoản 2, Điều 20 của Điều lệ này.

Điều 64. Điều khoản không hợp pháp, không hiệu lực hoặc không có khả năng thực thi

Nếu cơ quan Nhà nước có thẩm quyền tuyên bố hoặc phán quyết rằng bất kỳ một hoặc nhiều điều khoản nào của Điều lệ này là bất hợp pháp, không có hiệu lực hoặc không có khả năng thực thi theo quy định của pháp luật, thì một hoặc nhiều điều khoản đó sẽ được xem như bị loại bỏ khỏi Điều lệ trong mọi trường hợp, và các điều khoản khác của Điều lệ vẫn giữ nguyên giá trị hiệu lực.

Điều 65. Tuân thủ pháp luật

Những nội dung không được ghi trong bản Điều lệ này sẽ được thực hiện theo Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật hiện hành.

Điều 66. Điều khoản thực hiện

1. Bản Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty. Bản Điều lệ này chi phối toàn bộ hoạt động của Công ty cổ phần Khai thác và Xây dựng Thủy lợi Kon Tum và áp dụng cho mọi đối tượng có chung quyền, nghĩa vụ và lợi ích là Cổ đông và công nhân viên chức của Công ty.

2. Điều lệ này có hiệu lực thi hành kể từ ngày Công ty được cấp Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh.

3. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị mới có giá trị./.

**TM-HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



HOÀNG TRUNG THÔNG